

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong năm 2019
(Báo cáo phục vụ kỳ họp thứ 13, HĐND tỉnh khóa XII)

Thực hiện Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 của HĐND tỉnh về việc thông qua các báo cáo kết quả giám sát và kiến nghị qua giám sát của HĐND tỉnh; trên cơ sở kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện những nội dung theo kiến nghị cử tri của các sở, ban, ngành, địa phương liên quan, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong năm 2019 như sau:

Trong năm 2019, sau khi tổ chức tiếp xúc cử tri sau kỳ họp thứ 8 đến trước kỳ họp thứ 11, HĐND tỉnh khóa XII; UBND tỉnh đã nhận 934 ý kiến, kiến nghị cử tri trong tỉnh về các vấn đề liên quan đến tình hình kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng. Hầu hết các ý kiến, kiến nghị nêu đều là những vấn đề rất thiết thực, liên quan trực tiếp đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, đời sống, việc làm của các tầng lớp nhân dân và công tác an ninh - trật tự tại các địa phương. UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương liên quan giải quyết, trả lời 931 ý kiến, kiến nghị của cử tri (trong đó, lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn 218/219 kiến nghị; công thương, điện lực 39/39 kiến nghị; khu kinh tế Nhơn Hội, các khu công nghiệp 6/6 kiến nghị; quy hoạch, xây dựng, cấp thoát nước 55/55 kiến nghị; tài chính, thuế, kế hoạch và đầu tư 39/40 kiến nghị; tài nguyên và môi trường, giải phóng mặt bằng 124/125 kiến nghị; giao thông vận tải 201/201 kiến nghị; phát thanh – truyền hình và bưu chính viễn thông 14/14 kiến nghị; lĩnh vực y tế, chính sách BHYT 29/29 kiến nghị; văn hóa, du lịch 23/24 kiến nghị; ngân hàng 6/6 kiến nghị; giáo dục và đào tạo 14/14 kiến nghị; xây dựng chính quyền 52/52 kiến nghị; lao động - thương binh và xã hội 72/72 kiến nghị; quốc phòng – an ninh 38/38 kiến nghị). UBND tỉnh đã giải quyết, trả lời dứt điểm 765 kiến nghị; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tiếp tục kiểm tra, đề xuất 101 kiến nghị và kiến nghị các cơ quan Trung ương giải quyết 65 nội dung không thuộc thẩm quyền của địa phương. Riêng một số nội dung kiến nghị của cử tri liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông; bồi thường, giải phóng mặt bằng... có nhu cầu vốn rất lớn trong khi khả năng cân đối của ngân sách tỉnh còn hạn hẹp, cần phải có thời gian và lộ trình để giải quyết theo thứ tự ưu tiên, nhất là đối với các công trình cấp bách, bức xúc ở địa phương. UBND tỉnh đang nghiên cứu và đã có Văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương liên quan rà soát, kiểm tra đề xuất UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật để đáp ứng nguyện vọng của cử tri và nhân dân.

UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh kết quả giải quyết một số nội dung chủ yếu được cử tri các địa phương quan tâm và có nhiều ý kiến, kiến nghị trong năm 2019, cụ thể như sau:

1. Về nông nghiệp và phát triển nông thôn

1.1 Kết quả đầu tư xây dựng, nâng cấp, duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi (hồ chứa, đập dâng, đê, kè...) trên địa bàn tỉnh từ năm 2019 đến nay. Các giải pháp nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

Từ năm 2019 đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp 26 công trình hồ chứa; 37 công trình đê kè; 12 công trình đập dâng; 01 trạm bơm; 10 công trình kênh mương, đưa tỷ lệ diện tích được tưới bằng công trình thủy lợi ước đến cuối năm 2020 đạt 91,8%, trong đó diện tích tưới chắc đạt 87%. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã đầu tư xây dựng một số hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; nạo vét, sửa chữa các trục tiêu, khơi thông dòng chảy,... cụ thể như sau:

- Đã xây dựng hoàn thành Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang; hệ thống đê khu đông và trồng ngập mặn các vùng ven biển; kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ, chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh, Sông Kôn; các hạng mục quan trọng của dự án Quản lý thiên tai (WB5); dự án an toàn đập (WB8); đã và đang thực hiện 06 tiểu dự án dự án Phát triển nông thôn tổng hợp miền Trung; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai thi công dự án Tái thiết sau thiên tai; hồ chứa nước Đồng Mít; Hệ thống kênh tưới Thượng Sơn; Trạm bơm cấp nước nuôi tôm Hoài Mỹ;...

- Đã hoàn thành thủ tục đầu tư và kêu gọi đầu tư xây dựng mới đối với 3 công trình cấp nước sạch tập trung ở khu vực nông thôn, gồm: Cấp nước Nhon Hậu-Nhon Mỹ, cấp nước Cát Tài-Cát Minh, cấp nước Bình Nghi-Tây Xuân. Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, công tác đầu tư, quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh hiện nay còn có những khó khăn, tồn tại:

- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã gây ra tình trạng hạn hán, mưa bão gây ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân, đe dọa đến an toàn của nhiều công trình thủy lợi và hệ thống đê điều.

- Trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng như hệ thống giao thông, các khu dân cư,... đã gây nên tình trạng các trục thoát lũ chính ngày càng bị thu hẹp, đê, kè hai bên bờ sông tôn cao để chống lũ làm cho tình hình lũ lụt trở nên phức tạp hơn.

- Các hệ thống thủy nông được xây dựng từ lâu đã và đang bị xuống cấp; khả năng thoát lũ các đập dâng trên sông chưa đáp ứng được yêu cầu thoát lũ thực tế đã xảy ra vào những năm gần đây, cần phải có đủ nguồn lực để đầu tư.

- Công tác kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm, thủy sản chưa hiệu quả. Nguồn vốn bố trí cho phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp tuy đã có chú trọng nhưng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

Thời gian đến, để khắc phục các hạn chế, tồn tại, nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã và đang chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

như sau:

- Kịp thời tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí đủ nguồn kinh phí để thực hiện các dự án trong danh mục đầu tư công giai đoạn 2018-2020, các dự án thuộc nguồn vốn Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các nguồn vốn khác.

- Tiếp tục thực hiện tốt Đề án Tăng cường công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; chính sách phát triển thủy lợi nhỏ, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước giai đoạn 2021-2025 và Đề án phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Kôn-Hà Thanh. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025. Thực hiện có hiệu quả Quyết định 936/QĐ-TTg ngày 30/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn-Hà Thanh

- Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư và kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

1.2 Kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu ngành nông nghiệp từ năm 2019 đến nay. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Về ban hành các cơ chế, chính sách, đề án thực hiện tái cơ cấu.

- UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển giống cây trồng giai đoạn 2016-2020; hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ giai đoạn 2015-2020; thực hiện giết mổ động vật tập trung trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2019-2025; hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn giai đoạn 2019-2025; hỗ trợ thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá trên địa bàn tỉnh; quy định về khuyến khích đầu tư, xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giai đoạn 2021-2025;...

- Đã phê duyệt các Đề án phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh, như: Tăng cường năng lực quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2030; Đổi mới phát triển các hình thức tổ chức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Chuyển đổi cây trồng cạn trên đất sản xuất 3 vụ lúa/năm sang cây trồng khác có hiệu quả đến năm 2020; Phát triển cây gỗ lớn giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2035; Phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế dừa Hoài Nhơn;...

b) Một số kết quả nổi bật đạt được.

Giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm, thủy sản bình quân 2 năm 2019-2020 theo giá so sánh 2010 là 3,28% (năm 2019 tăng 3,53%, năm 2020 ước tính tăng 3,02 %), cụ thể trong các lĩnh vực như sau:

- Về trồng trọt: Năm 2020, diện tích gieo trồng lúa ước đạt 94.149 ha, tăng 3,8%; năng suất bình quân ước đạt 65,8 tạ/ha; sản lượng ước đạt 619.679 tấn, tăng 5,1% so với kế hoạch đề ra. Kết quả thực hiện một số cây trồng cạn ước đạt như sau: Cây ngô diện tích 7.725 ha, năng suất bình quân 60,3 tạ/ha, sản lượng 46.592 tấn; cây lạc diện tích

9.842 ha, năng suất bình quân 35,0 tạ/ha, sản lượng 34.414 tấn; rau các loại diện tích 16.037 ha; năng suất bình quân 180,1 tạ/ha; sản lượng 288.889 tấn;... Toàn tỉnh đã thực hiện chuyển đổi cây trồng cạn trên đất lúa với diện tích 6.808 ha. Tổng diện tích chuyển đổi sản xuất từ 3 vụ sang 2 vụ/năm ước đạt 2.490,2 ha. Tổng diện tích cánh đồng mẫu lớn 12.000 ha, có trên 127 nghìn hộ nông dân tham gia. Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt 06 Dự án cánh đồng liên kết sản xuất lúa giống, tổng diện tích 995 ha, diện tích sản xuất lúa giống hàng năm trên 1.310 ha.

- *Chăn nuôi*: Đã và đang đẩy mạnh phát triển các vùng chăn nuôi heo chủ lực ở các địa phương Hoài Ân, Hoài Nhơn, An Nhơn, Tây Sơn; chăn nuôi gà quy mô lớn ở các địa phương Tuy Phước, An Nhơn, Phù Cát, Tây Sơn; chăn nuôi bò lai và bò thịt chất lượng cao nông hộ trên địa bàn toàn tỉnh. Đến nay, tỷ lệ bò lai đạt 85% tổng đàn và nhãn hiệu “Bò thịt chất lượng cao Bình Định” đã được Cục Sở hữu trí tuệ công nhận. Tỷ lệ heo lai toàn tỉnh đạt 90%. Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa sản xuất giống gà. Hiện nay, Công ty TNHH Giống gia cầm Minh Dư sản xuất hàng năm đạt 50 triệu con và Công ty TNHH Giống gia cầm Cao Khanh sản xuất hàng năm đạt 25-30 triệu con, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Trên địa bàn tỉnh đã xây dựng 02 nhà máy giết mổ động vật tập trung tại phường Trần Quang Diệu và phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn với công suất giết mổ 500 con heo, 30 con bò và 2.000 con gà/ngày đêm.

Công tác giám sát và phòng trừ dịch bệnh, tiêm phòng vắc xin, kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tiếp tục được tăng cường và đạt được kết quả tích cực.

- *Lâm nghiệp*: Từ năm 2019 đến nay, toàn tỉnh đã trồng được 22.597 ha rừng, trong đó có 2.939 ha rừng cây gỗ lớn; đã sản xuất được 23,2 triệu cây giống nuôi cấy mô các loại.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 120 doanh nghiệp chế biến đồ gỗ, tổng công suất thiết kế đạt khoảng 345.000 m³ sản phẩm/năm; trong đó, có khoảng 70 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu trực tiếp qua hơn 80 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó phần lớn là xuất khẩu sang châu Âu (*chiếm 82%*), Châu Đại Dương (*chiếm 7,7%*), Châu Mỹ (*chiếm 5%*), Châu Á (*chiếm 5%*) và Châu Phi.

- *Thủy sản*: Đã thành lập Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ; hiện có 01 doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất thương mại, năng suất 40 tấn/ha/vụ. Xây dựng vùng nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao xã Cát Thành, Cát Hải, huyện Phù Cát với diện tích 206 ha, đã có 01 doanh nghiệp đi vào hoạt động sản xuất thương mại, năng suất 25 tấn/ha/vụ.

Số tàu cá công suất lớn, khai thác xa bờ ngày càng tăng, toàn tỉnh hiện có 3.280 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên đăng ký thường xuyên khai thác hải sản trên các vùng biển xa (Trường Sa, Hoàng Sa và DK1), chiếm 58,2% tổng số tàu cá của tỉnh. Trong đó, hải sản đánh bắt xa bờ chiếm 86,0% tổng giá trị gia tăng lĩnh vực thủy sản; cá ngừ đại dương chiếm 9,5% tổng giá trị gia tăng trong khai thác hải sản xa bờ.

- *Về cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới*: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp đã tác động lớn đến việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, góp phần hoàn thành nhiều chỉ tiêu trong 19 tiêu

chí xây dựng nông thôn mới. Kết quả đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 85 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 70,2%; có 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đạt tỷ lệ 36,36%. Số tiêu chí bình quân/xã đạt 17,3 tiêu chí. Thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn của tỉnh là 40 triệu đồng (năm 2019 là 36,05 triệu đồng); tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 3,5% (năm 2019 là 5,33%).

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, công tác thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh thời gian qua vẫn còn một số hạn chế, tồn tại như: Sản xuất nông nghiệp của tỉnh theo hình thức nhỏ vẫn còn phổ biến, thể hiện loại hình sản xuất nông hộ nhỏ lẻ, manh mún chiếm tỷ trọng lớn. Kết cấu hạ tầng nông thôn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Lao động khu vực nông thôn chiếm tỷ lệ cao, nhưng trình độ chuyên môn, tay nghề thấp, hiệu quả sản xuất không cao. Các HTX NN chưa thực sự thích nghi với cơ chế, tình hình mới, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao. Số lượng các doanh nghiệp tham gia đầu tư hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chưa nhiều và phần lớn có quy mô nhỏ.

c) Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới.

- Lĩnh vực trồng trọt:

+ Tiếp tục tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu của từng địa phương. Triển khai có hiệu quả cánh đồng mẫu lớn, cánh đồng lớn cho cây lúa và cây trồng cạn, tạo ra các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi.

+ Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống năng suất và chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, ứng dụng cơ giới hóa, thực hiện các quy trình kỹ thuật tiên tiến, biện pháp thâm canh bền vững; giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật; giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống sâu bệnh.

+ Tiếp tục xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm như: Lúa giống, lạc, rau an toàn, các sản phẩm từ dừa, bưởi da xanh, ngô sinh khối, mai vàng Nhơn An... Từng bước xây dựng nhãn hiệu và thương hiệu các sản phẩm chủ lực của Bình Định.

- Lĩnh vực chăn nuôi:

+ Tiếp tục phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao tại các huyện trung du, miền núi nơi có diện tích đất rộng đảm bảo điều kiện chăn nuôi theo quy định, đối với các sản phẩm chủ lực là bò, heo, gà. Ưu tiên phát triển các sản phẩm chăn nuôi đặc sản (heo đen, gà đồi...); đồng thời duy trì và phát triển chăn nuôi nông hộ theo phương thức chăn nuôi tiên tiến, an toàn dịch bệnh, kết hợp với phát triển chăn nuôi hữu cơ, sinh thái theo chuỗi giá trị khép kín.

+ Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Phát triển Chăn nuôi gà thả đồi ở nông hộ của huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão và Hoài Ân; Đề án Phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ... Tiếp tục triển khai có hiệu quả chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thịt bò, thịt heo,...

+ Tập trung cải tạo giống theo hướng tăng tỷ lệ giống tiến bộ, có năng suất, chất lượng cao phù hợp với thị hiếu. Đẩy mạnh phát triển giống bò thịt chất lượng cao, tăng

tỷ lệ đàn heo ngoại, phát triển các giống gà.

+ Kêu gọi doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thịt và đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ động vật tập trung. Tổ chức lại hệ thống giết mổ bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả; quản lý chặt chẽ việc sử dụng thuốc thú y và các chất phụ gia trong chăn nuôi, chấm dứt tình trạng sử dụng chất cấm trong chăn nuôi.

- *Lĩnh vực lâm nghiệp:*

+ Quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả rừng tự nhiên; thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên; bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Phát triển mô hình nông, lâm nghiệp kết hợp.

+ Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng. Triển khai có hiệu quả Đề án phát triển cây gỗ lớn; phát triển các vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến gỗ; quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ gỗ rừng trồng theo tiêu chuẩn Việt Nam và thông lệ quốc tế.

+ Tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá trị như: chuỗi sản xuất trồng rừng gỗ lớn; chuỗi trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

- *Lĩnh vực thủy sản:*

+ Đẩy mạnh khai thác xa bờ, đầu tư hiện đại hóa trang thiết bị chế biến, bảo quản trên tàu nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch; tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác-cung ứng dịch vụ hậu cần và thu mua trên biển-chế biến thủy sản gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi.

+ Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững; đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi phù hợp với lợi thế so sánh của từng địa phương; phát triển mạnh nuôi thâm canh ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành nuôi tốt, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Tiếp tục triển khai có hiệu quả chuỗi liên kết thu mua và xuất khẩu cá ngừ đại dương gắn với thương hiệu “Cá ngừ đại dương Bình Định”; tiếp tục kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực chế biến thủy, hải sản và các chuỗi nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao. Phấn đấu đưa Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quốc gia.

1.3 Tình hình, kết quả triển khai công tác phòng, chống bệnh dịch tả heo châu Phi trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 05/3/2019 của UBND tỉnh. Những khó khăn, tồn tại hạn chế và giải pháp đẩy mạnh công tác phòng, chống bệnh dịch, khôi phục ngành chăn nuôi trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 05/03/2019 về việc tập trung triển khai các giải pháp cấp bách ngăn chặn xâm nhập bệnh Dịch tả heo Châu Phi và phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2019. Đồng thời, chỉ đạo các địa phương tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch; phát triển tái đàn, chăn nuôi an toàn sinh học. Nhờ đó, đã phát huy hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh, hạn chế thấp nhất thiệt hại kinh tế có thể xảy ra.

a) Về tình hình dịch bệnh: Năm 2019, bệnh Dịch tả heo châu Phi xảy ra tại 3.365 hộ chăn nuôi của 99/159 xã thuộc 10/11 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh. Tổng số heo buộc phải xử lý tiêu hủy là 30.560 con (chiếm 4% so với tổng đàn heo), với tổng trọng lượng hơn 1.603,2 tấn. Tổng kinh phí đã hỗ trợ cho người chăn nuôi là 50,5 tỷ đồng. Từ tháng 02/2020 đến nay, tình hình dịch bệnh dịch tả heo châu Phi cơ bản đã được khống chế, không tiếp tục phát sinh trên đàn heo toàn tỉnh.

b) Về công tác tổ chức triển khai thực hiện.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch tiêm phòng hàng năm; hướng dẫn các địa phương phòng, chống dịch bệnh, xử lý heo bị bệnh dịch tả heo châu Phi phù hợp tình hình thực tế địa bàn; xây dựng chính sách hỗ trợ tái đàn heo và tăng cường hướng dẫn, quản lý, kiểm soát hoạt động tái đàn, chăn nuôi an toàn sinh học.

- Kết quả công tác phòng chống dịch bệnh động vật: Duy trì hoạt động kiểm dịch tại 6 Trạm Kiểm dịch động vật tạm thời trên các tuyến Quốc lộ, tăng cường kiểm tra điều kiện chuồng nuôi đảm bảo an toàn sinh học mới cho phép tái đàn. Tổ chức tốt 2 đợt tiêm phòng vaccine đại trà phòng bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng gia súc và triển khai các đợt ra quân vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi.

- Kết quả công tác tái đàn heo, phát triển chăn nuôi: Song song với tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp tổng hợp phòng, chống dịch bệnh động vật, công tác phát triển tái đàn heo luôn được chú trọng. UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương triển khai công tác tái đàn heo và ban hành Kế hoạch tái đàn, phát triển chăn nuôi heo, giai đoạn 2020-2025; ban hành Quy định về hỗ trợ phát triển tái đàn heo trên địa bàn tỉnh, theo đó hỗ trợ 150 tỷ đồng cho người chăn nuôi vay vốn tái đàn heo, với suất 0% trong thời gian 12 tháng (kết quả đã cho vay 3.055 lượt hộ, tái đàn được 47.330 con heo giống sinh sản và giống thương phẩm). Nhờ đó, đàn heo của tỉnh sớm được phục hồi và số lượng tăng hơn so với trước dịch. Tính đến cuối tháng 10/2020, tổng đàn heo của tỉnh ước đạt hơn 01 triệu con heo (kể cả heo con theo mẹ), đàn bò 297.892 con, đàn gia cầm 8,4 triệu con. Giá trị sản xuất chăn nuôi ước tăng 5% so với cùng kỳ.

c) Tồn tại, hạn chế.

- Hiện nay, các mầm bệnh trên gia súc, gia cầm, nhất là bệnh dịch tả heo châu Phi, lở mồm long móng, cúm gia cầm vẫn còn tồn tại trong môi trường. Tình hình thời tiết đang mùa mưa bão, lũ, rét và diễn biến phức tạp; các tỉnh trong khu vực vẫn thường xuyên xảy ra dịch bệnh. Mặt khác, hoạt động vận chuyển, tái đàn chăn nuôi phục vụ Tết Nguyên đán ngày càng gia tăng, nguy cơ tái phát dịch trên địa bàn tỉnh là rất cao.

- Lực lượng thú y tại Trung tâm dịch vụ nông nghiệp và thú y cơ sở mỏng, gây khó khăn cho công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và báo cáo dịch bệnh.

- Giá heo con giống, heo con thương phẩm nuôi thịt vẫn còn ở mức cao; dẫn đến chi phí chăn nuôi cao; nhưng sản phẩm đầu ra thiếu ổn định trong thời gian đến, gây khó khăn cho người chăn nuôi.

d) Giải pháp đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh, khôi phục chăn nuôi trong thời gian đến.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh trên đàn vật nuôi; kịp thời phát hiện và xử lý

nhanh, không để dịch lây lan diện rộng. Tổ chức tốt các đợt tiêm phòng vaccine phòng bệnh gia súc, gia cầm.

- Tập trung đẩy mạnh công tác quản lý kiểm soát và phát triển tái đàn heo; phát triển đàn bò, chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi VietGAHP và tổ chức triển khai nhãn hiệu Bò thịt chất lượng cao Bình Định.

- Triển khai Chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 51/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 của UBND tỉnh.

- Thúc đẩy liên kết, hợp tác chăn nuôi theo chuỗi giá trị như chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ thịt heo an toàn tại Đà Nẵng; chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ heo hơi và bò thịt chất lượng cao của tỉnh. Tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp (CP, Greenfeed, Ausfeed, Minh Dư, Cao Khanh...) tăng cường liên kết với người chăn nuôi, giúp ổn định sản phẩm đầu ra, yên tâm sản xuất, phát triển chăn nuôi.

- Kiện toàn và củng cố hệ thống thú y trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn thi hành.

1.4 Kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh từ năm 2019 đến nay. Những khó khăn, hạn chế và giải pháp để nâng cao hiệu quả đối với công tác bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng, phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

Thời gian qua, công tác bảo vệ rừng luôn được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt, UBND tỉnh đã ban hành nhiều Quyết định, Văn bản chỉ đạo về công tác này, như: Kế hoạch bảo vệ rừng và PCCCR; phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng; các Quyết định về xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với động vật thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm do cá nhân tự nguyện giao nộp cho Nhà nước; thực hiện xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững; triển khai các giải pháp quản lý động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh,...¹. Đã chỉ đạo ngành kiểm lâm tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin pháp luật về quản lý bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng, quản lý nương rẫy, chống lấn chiếm rừng, đất rừng; quản lý chặt chẽ hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các ngành chức năng, chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra, xử lý việc phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật; tổ chức lực lượng chốt chặn các địa điểm trọng yếu để ngăn chặn tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật. Kết quả cụ thể như sau:

- Năm 2019: Toàn tỉnh đã xảy ra 21 vụ cháy rừng trồng với diện tích 169,6 ha, tăng 7 vụ và 137,5 ha so cùng kỳ; 30 vụ chặt phá rừng với diện tích 3,9ha; 07 vụ lấn, chiếm đất lâm nghiệp với diện tích 4,1 ha; các ngành chức năng phối hợp phá bỏ cây trồng trái

¹ Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 về Kế hoạch bảo vệ rừng và PCCCR trên địa bàn tỉnh năm 2020; Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng năm 2019; Văn bản số 773/UBND-KT ngày 14/02/2020 về chủ trương duy trì hoạt động các Trạm kiểm tra, kiểm soát lâm sản trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 1519/UBND-KT ngày 13/3/2020 về việc tăng cường các biện pháp cấp bách PCCCR trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 5279/UBND-KT ngày 06/8/2020 về việc thực hiện xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững; Văn bản số 5740/UBND-KT ngày 25/8/2020 về việc triển khai các giải pháp quản lý động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh,...

pháp luật với diện tích là 2,6 ha; lập biên bản 228 vụ vi phạm, trong đó có 24 vụ mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật, 03 vụ vi phạm thủ tục hành chính trong vận chuyển lâm sản. Các hạt kiểm lâm đã tổ chức 338 đợt tuyên truyền công tác bảo vệ rừng, với 27.515 người tham dự.

- 10 tháng năm 2020: Toàn tỉnh xảy ra 08 vụ cháy rừng trồng với tổng diện tích 15,87 ha, giảm 13 vụ và 153,69 ha so với cùng kỳ; xảy ra 24 vụ, tổng diện tích 6,629 ha, giảm 3 vụ, diện tích tăng 3,018 ha so với cùng kỳ; xảy ra 01 vụ lấn, chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật, diện tích 0,03 ha. Các ngành chức năng phối hợp phá bỏ cây trồng trái pháp luật với diện tích là 91,67 ha. Lập biên bản 284 vụ vi phạm mua bán lâm sản trái pháp luật. Tổ chức 285 đợt tuyên truyền với 21.575 người tham gia và có 1.983 người ký cam kết bảo vệ rừng và PCCCR.

Công tác công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng, chống cháy rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh thời gian qua gặp một số khó khăn, hạn chế:

- Do ảnh hưởng của nắng nóng kéo dài nên cấp dự báo cháy rừng ở các huyện, thị xã, thành phố liên tục ở cấp IV, cấp V, gây nguy cơ cháy rừng rất lớn.

- Hầu hết diện tích có rừng tự nhiên tập trung ở các huyện miền núi như An Lão, Vân Canh, Vĩnh Thạnh và các huyện trung du như Tây Sơn, Hoài Ân. Đời sống của người dân sống gần rừng còn gặp nhiều khó khăn, tập quán canh tác cùng với nhận thức về công tác bảo vệ rừng ở một bộ phận đồng bào miền núi còn hạn chế, đã dẫn đến tình trạng vi phạm phá rừng, khai thác rừng để làm nương rẫy và trồng rừng kinh tế. Mặt khác, rừng phân bố trên diện rộng ở những nơi cao, xa, địa hình chia cắt, các đối tượng lâm tặc ngày càng tinh vi và mạnh động, sẵn sàng chống đối lực lượng chức năng để tẩu tán tang vật vi phạm.

- Diện tích rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh rất lớn, song nhiều hộ gia đình, cá nhân chưa được giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên gây khó khăn trong công tác quản lý, giám sát khai thác rừng trồng.

Để khắc phục tình trạng phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp, cháy rừng trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến, UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT và các cơ quan, địa phương liên quan tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Trên cơ sở Phương án PCCCR giai đoạn 2019-2023 đã được UBND tỉnh phê duyệt, các địa phương khẩn trương ban hành Kế hoạch bảo vệ rừng PCCCR năm 2021 và kiện toàn Ban Chỉ huy các vấn đề cấp bách trong bảo vệ rừng và PCCCR.

- Tăng cường phối hợp với lực lượng kiểm lâm tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng quy định Luật Lâm nghiệp, các quy định, quy trình đốt xử lý thực bì đến người dân biết, thực hiện; thông báo kịp thời cấp dự báo cháy rừng đến người dân và chủ rừng biết để thực hiện tốt công tác PCCCR.

- Thường xuyên kiểm tra và có các phương án đảm bảo lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị, hậu cần để thực hiện tốt phương châm “bốn tại chỗ”; thường trực, sẵn sàng phối hợp khi xảy ra cháy rừng; đảm bảo lực lượng ứng trực 24/24 giờ trong suốt mùa khô; bố trí các điểm chốt chặn, tuần tra canh gác ở những khu vực trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng, kiểm soát chặt chẽ người vào những khu vực rừng có nguy cơ cháy cao; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn kiểm soát việc sử dụng lửa trong

rừng và gần rừng của người dân, tạm dừng các hoạt động xử lý thực bì bằng dùng lửa và những hành vi dùng lửa khác có nguy cơ gây cháy rừng.

- Triển khai quyết liệt các giải pháp, biện pháp để ngăn chặn phá rừng, khai thác gỗ và mua bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật; thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng, các địa phương, chủ rừng tăng cường tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vụ vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Cấp kinh phí để các ban quản lý rừng phòng hộ lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích đất lâm nghiệp đơn vị quản lý. Quan tâm giải quyết vấn đề sinh kế của người dân sống gần rừng để giảm áp lực lên rừng.

1.5 Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản thời gian qua. Đề xuất các giải pháp tổ chức triển khai thực hiện thời gian tới.

Kết quả triển khai thực hiện.

a) Tình hình đóng mới tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Toàn tỉnh hiện có 61 tàu cá đóng mới Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ với 48 vỏ thép, 08 vỏ composite và 05 vỏ gỗ. Trong quá trình hoạt động có 04 tàu bị chìm (03 tàu vỏ thép, 01 tàu vỏ gỗ), còn lại 57 tàu đang hoạt động sản xuất, gồm: 03 tàu dịch vụ hậu cần và 54 tàu khai thác thủy sản. Các nghề khai thác chính như: 21 tàu nghề lưới vây, 28 tàu nghề mảnh chụp và 05 nghề lưới rê.

b) Tình hình vay vốn và trả nợ Ngân hàng của các chủ tàu cá đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP.

Tính đến ngày 30/9/2020, đã có 61 chủ tàu ký hợp đồng tín dụng đóng mới và 01 hợp đồng nâng cấp tàu cá vỏ gỗ với các Ngân hàng thương mại, tổng số tiền cam kết cho vay là 921 tỷ đồng. Hiện nay, có 60 khách hàng còn dư nợ cho vay là 861 tỷ đồng (59 tàu đóng mới và 01 tàu nâng cấp). Có 53 chủ tàu có nợ quá hạn số tiền hơn 320 tỷ đồng (trong đó: gốc 155,4 tỷ đồng, lãi 165,2 tỷ đồng). Nguyên nhân là do chủ tàu thiếu thiện chí trả nợ; ngoài ra, một số tàu đánh bắt có hiệu quả nhưng giá thành các loại sản phẩm thấp nên không có lãi để trả Ngân hàng, một số tàu hoạt động đánh bắt không hiệu quả,...

c) Hiệu quả sản xuất.

Từ đầu năm 2020 đến nay, toàn tỉnh có 45/57 tàu cá hoạt động khai thác thường xuyên; trong đó 26/45 tàu hoạt động có lãi từ 20 đến 300 triệu đồng/chuyến (chiếm 57%), 13/45 tàu hoạt động hòa vốn hoặc thua lỗ (chiếm 28,89%), còn 06/45 tàu hoạt động từ 1 đến 2 chuyến bị thua lỗ; 12 tàu không đi khai thác.

Phân loại theo nghề khai thác: Tàu hoạt động nghề mảnh chụp có hiệu quả nhất (72% tàu sản xuất có lãi), nghề lưới vây (62,50% tàu có lãi) nghề lưới rê (50% tàu có lãi), và hoạt động kém hiệu quả nhất là tàu dịch vụ hậu cần. Phân loại theo vật liệu đóng tàu: Tàu vỏ composite hoạt động có hiệu quả cao nhất (75% số tàu có lãi), tàu vỏ thép (69,70% tàu có lãi) và hoạt động kém hiệu quả nhất là tàu vỏ gỗ (25% tàu có lãi).

d) Những tồn tại, vướng mắc.

- Đối với tàu dịch vụ hậu cần nghề cá: Khi xây dựng phương án sản xuất kinh

doanh dịch vụ hậu cần trên biển đối với hoạt động đánh bắt xa bờ, các chủ tàu chưa lường trước được các khó khăn phát sinh trong thực tế (như tàu vỏ thép không bán sản phẩm trên biển; tàu vỏ gỗ rất khó khăn cập mạn với tàu vỏ thép vì chủ tàu lo ngại va đập làm vỡ vỏ tàu...). Do vậy, tàu đóng xong bàn giao nhưng không hoạt động dịch vụ hậu cần hoặc hoạt động không có hiệu quả nên chủ tàu xin chuyển đổi sang hoạt động nghề khai thác thủy sản. Tuy nhiên, theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP chưa có quy định và hướng dẫn cụ thể cơ cấu lại khoản nợ trong trường hợp tàu cá chuyển đổi nghề hoạt động sau khi tàu đóng xong đưa vào hoạt động sản xuất.

- Một số tàu vỏ thép thiết kế chưa phù hợp, nhất là tàu lưới vây nên trong quá trình khai thác bị lưới quấn chân vịt không hoạt động được, chủ tàu phải chuyển đổi sang nghề mành chụp để hoạt động có hiệu quả hơn.

- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Pjico Bình Định thường xuyên tạm dừng việc bán bảo hiểm cho các tàu cá đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ với lý do chờ ý kiến của Bộ Tài chính về các đề xuất sửa đổi quy tắc, biểu phí bảo hiểm. Mặt khác, giá trị con tàu hình thành từ vốn vay Ngân hàng, nên các Ngân hàng thương mại đã đề nghị các cơ quan chức năng không cho tàu cá hoạt động khai thác khi chưa mua bảo hiểm thân tàu. Vì vậy, số lượng tàu cá đóng mới theo Nghị định 67 trên địa bàn tỉnh nằm bờ nhiều (12 tàu).

đ) Giải pháp trọng tâm thực hiện trong thời gian tới.

Trong thời gian tới, để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn các chủ tàu nghiên cứu xây dựng lại phương án sản xuất kinh doanh phù hợp, hiệu quả; sớm giải quyết các vấn đề còn tồn tại, vướng mắc để đưa tàu còn nằm bờ đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh kiến nghị Bộ Tài chính chỉ đạo các Doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục triển khai bán bảo hiểm cho các tàu cá đóng mới theo Nghị định 67 trên địa bàn tỉnh.

- Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo các Ngân hàng thương mại tạo điều kiện hỗ trợ cho các tàu chưa mua được bảo hiểm tiếp tục được vươn khơi khai thác để có thu nhập, ổn định cuộc sống. Các ngân hàng thương mại thực hiện cơ cấu lại nợ, ưu tiên thu hồi nợ gốc trước, thu lãi sau để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho ngư dân. Đối với trường hợp chủ tàu không còn khả năng trả nợ, các ngân hàng thương mại xây dựng phương án chuyển đổi chủ sở hữu, khoan nợ đối với chủ tàu cũ và cơ cấu lại vốn vay cho chủ tàu mới để đảm bảo thực hiện chính sách có hiệu quả.

- Báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT trình Chính phủ cho chủ trương hỗ trợ đối với các tàu cá vay vốn đóng mới theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP được hỗ trợ hàng năm kinh phí mua bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên tàu, với mức 90% kinh phí mua bảo hiểm.

1.6 Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn vừa qua. Định hướng triển khai xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới

nâng cao thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh thời gian qua tiếp tục được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện, đạt được những kết quả quan trọng, giúp thay đổi diện mạo nông thôn và đời sống, thu nhập của người dân khu vực nông thôn của tỉnh.

a) Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình.

- *Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới:* Toàn tỉnh có 85/121 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 70,25% (kế hoạch 61% tương đương 74 xã); 13 xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao và 3 đơn vị: thị xã Hoài Nhơn, An Nhơn, thành phố Quy Nhơn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Phân đầu cuối năm nay, huyện Tuy Phước sẽ đạt chuẩn nông thôn mới. Số tiêu chí bình quân/xã đạt 17,1 tiêu chí/xã. Đến cuối năm 2020, đạt 17,3 tiêu chí/xã (nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao tỉnh đến năm 2020 đạt 16,7 tiêu chí/xã). Kết quả cụ thể trên một số tiêu chí xây dựng nông thôn mới như sau:

+ Về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội: Đến nay, toàn tỉnh có 86% số xã đạt tiêu chí số 2-Giao thông; có 92,6% số xã đạt tiêu chí số 3-Thủy lợi; có 99,2% số xã đạt tiêu chí điện; có 81% số xã đạt tiêu chí số 5-Trường học; có 80,2% số xã đạt tiêu chí số 6-Cơ sở vật chất văn hóa; có 94,2% số xã đạt tiêu chí số 15-Y tế theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

+ Về giảm nghèo và an sinh xã hội: Có 82,6% số xã đạt tiêu chí số 10 - Thu nhập; có 82,6% số xã đạt tiêu chí số 11-Hộ nghèo.

+ Về phát triển giáo dục, y tế: Có 92,6% số xã đạt tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo; tỷ lệ bao phủ BHYT chung toàn tỉnh đạt 92%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm còn dưới 8,5%.

+ Về văn hóa, vệ sinh môi trường nông thôn: Đến nay, toàn tỉnh có 367.066/394.927 hộ được công nhận gia đình văn hóa, chiếm tỷ lệ 92,94% trên tổng số hộ gia đình toàn tỉnh; 893 khu dân cư được công nhận danh hiệu Làng văn hóa, Thôn văn hóa, Khu phố văn hóa, đạt tỷ lệ 79,51% trên tổng số toàn tỉnh; có 87,6% số xã đạt tiêu chí số 16 - Văn hóa; có 82,6% số xã đạt tiêu chí số 17-Môi trường và an toàn thực phẩm.

+ Về giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn: Có 97,5% số xã đạt tiêu chí số 19-Quốc phòng và An ninh.

- *Kết quả thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP):* Đến nay, có 51 sản phẩm đặc trưng của các địa phương được UBND tỉnh công nhận đạt tiêu chuẩn OCOP theo Chương trình mỗi xã một sản phẩm; trong đó: 03 sản phẩm được công nhận sản phẩm tiềm năng, 06 sản phẩm được công nhận sản phẩm đạt hạng 4 sao và 42 sản phẩm được công nhận sản phẩm đạt hạng 3 sao.

b) Định hướng triển khai xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025

* *Mục tiêu giai đoạn 2021-2025:* Phân đầu đến năm 2025, có 07 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 63,6%. Có trên 85% tổng số xã

trong tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới; 22 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỷ lệ 25,6%; 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, đạt tỷ lệ 22,7%. Không còn số xã dưới 15 tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

** Một số giải pháp chủ yếu:*

- Tập trung xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cụ thể, sát với tình hình thực tế, nhất là giải pháp hỗ trợ các thôn (làng) ở các xã khó khăn, vùng sâu, vùng xa xây dựng nông thôn mới và một số nội dung của chương trình còn đạt tỷ lệ thấp, để từng bước hoàn thành tiêu chí xã nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.

- Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân để khơi dậy được tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh trật tự... phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Chương trình giai đoạn 2021-2025.

- Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng ở nông thôn; trong đó cần có chính sách đột phá ưu tiên hỗ trợ hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn những xã đặc biệt khó khăn, chú trọng đầu tư cho các công trình cấp thôn nhằm cải thiện trực tiếp điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân, từng bước hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới.

- Xây dựng chính sách lồng ghép phù hợp từ nguồn vốn các Chương trình, dự án khác; huy động tối đa nguồn vốn xã hội hóa để từng bước hỗ trợ về phát triển sản xuất nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, sinh hoạt của người dân.

- Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng cuộc sống nông thôn, đẩy lùi tệ nạn xã hội. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các vùng, miền, đặc biệt là vùng dân tộc thiểu số, miền biển; làm cơ sở để phát triển và nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng ở các vùng nông thôn.

- Tăng cường công tác bảo vệ môi trường nông thôn, cải tạo cảnh quan môi trường. Tiếp tục cụ thể hóa và triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 7/4/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách thu hút, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn; trong đó, chú trọng thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn, ngành nghề nông thôn...

2. Về Công Thương

2.1 Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến sản xuất công nghiệp của tỉnh. Giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển công nghiệp thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

10 tháng năm 2020, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, buộc một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải tạm dừng hoặc thu hẹp quy mô sản xuất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến công tác giải quyết việc làm, đảm bảo an

sinh xã hội cho người dân... Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 10 tháng tăng 5,01% so cùng kỳ. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong 05 năm trở lại đây. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,3%; ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện tăng 28,9%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,1%; riêng ngành khai khoáng giảm 1,92% so với cùng kỳ. Tình hình sản xuất của một số nhóm ngành công nghiệp chủ yếu của tỉnh như sau:

- *Nhóm ngành chế biến thực phẩm và đồ uống*: Do nhu cầu từ các thị trường truyền thống như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... giảm sút, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này gặp nhiều khó khăn, lượng hàng tồn kho còn khá lớn. Trong đó, ngành chế biến thủy sản có kim ngạch xuất khẩu đạt 54,41 triệu USD, giảm 19,1% so cùng kỳ. Ngành bia tươi và bia đóng chai có sản lượng sản xuất đạt 47,4 triệu lít, giảm 4,9% so cùng kỳ. Ngành sữa tươi các loại có sản lượng sản xuất giảm 10,4% so cùng kỳ. Đối với ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi, do gặp khó khăn về tàu biển vận chuyển làm giá nguyên liệu nhập khẩu tăng từ 3 - 4% dẫn đến giá đầu ra tăng, trong khi người chăn nuôi chưa mạnh dạn đầu tư tái đàn heo, nên sản lượng sản xuất giảm 0,88%; riêng thức ăn gia cầm tăng nhẹ 3,76%...

- *Nhóm ngành dệt may - da giày*: Đây là nhóm ngành chịu ảnh hưởng khá nặng nề từ dịch Covid-19, nguyên nhân do thị trường chính của các mặt hàng này là Mỹ, Châu Âu đều chịu tác động mạnh của dịch bệnh; nhiều đơn hàng xuất khẩu trong cuối quý I và nửa đầu quý II năm 2020 bị hoãn hoặc hủy đơn hàng. Dẫn đến việc một số doanh nghiệp lớn phải giảm công suất, chuyển sang may khẩu trang hoặc tạm dừng hoạt động trong thời gian ngắn, sản lượng sản xuất giày da giảm 46,65% (kim ngạch xuất khẩu đạt 4 triệu USD, giảm 50,9%); sản lượng sản xuất hàng may mặc tăng 8,72% so cùng kỳ (kim ngạch xuất khẩu đạt 155 triệu USD, tăng 12,2%).

- *Ngành chế biến gỗ*: Đây là ngành vẫn duy trì đà tăng trưởng trong bối cảnh tác động của dịch bệnh. Nguyên nhân chủ yếu do từ tháng 6/2020, các thị trường chủ lực như Anh, Đức, Pháp, Mỹ,... đã bắt đầu nhập hàng trở lại; đồng thời, Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực (từ ngày 01/8/2020) với nhiều ưu đãi về thuế quan đối với ngành gỗ và nỗ lực của các doanh nghiệp trong việc chủ động kiếm đơn hàng trái vụ tại thị trường Australia;... Sản lượng sản xuất ngành chế biến gỗ tiếp tục tăng khá, trong đó chế biến gỗ tinh chế tăng 11,52%; kim ngạch xuất khẩu đạt 270,5 triệu USD, tăng 22,9% so cùng kỳ.

- *Ngành sản xuất dược phẩm*: Hầu hết sản lượng sản xuất các sản phẩm thuốc, hóa dược và dược liệu thuốc tăng khá do nhu cầu phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Chỉ số sản xuất ngành này tăng 3,83%, riêng dung dịch đạm huyết thanh đạt 29,7 triệu lít, tăng 10,82% so cùng kỳ.

- *Ngành chế biến vật liệu xây dựng*: Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, một số công trình xây dựng tạm dừng thi công, nhất là các công trình xây dựng phục vụ du lịch - dịch vụ... đã tác động tiêu cực đến nhóm ngành này. Riêng sản phẩm tấm lợp bằng kim loại tăng khá (42,51%) nhờ Nhà máy tôn, thép Hoa Sen - Nhơn Hội đã chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, hạn chế tác động của đại dịch Covid-19.

Thời gian tới, để thúc đẩy sản xuất công nghiệp của tỉnh sớm phục hồi, góp phần hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2020 đã đề ra

và tạo tiền đề tăng trưởng bức phá trong năm 2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như: Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025, trong đó chú trọng công tác quy hoạch, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển công nghiệp. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường; khai thác có hiệu quả các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới Việt Nam đã tham gia như Hiệp định EVFTA, CPTPP...; đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp và làng nghề, nhất là dự án Khu công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định. Kịp thời nắm bắt, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tập trung chỉ đạo các nhà máy sản xuất đang hoạt động phát huy công suất, tạo giá trị mới về sản xuất công nghiệp trong năm 2021. Đẩy mạnh hoạt động khuyến công; hỗ trợ công tác xúc tiến đầu tư sản xuất công nghiệp, tăng cường và khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến vào sản xuất để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, nhất là lao động trong các ngành nghề ở khu vực nông thôn.

2.2 Tình hình triển khai thực hiện công tác tăng cường phổ biến kiến thức hội nhập trên địa bàn tỉnh, nhất là các Hiệp định thương mại tự do Việt Nam tham gia như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)...

Kết quả triển khai thực hiện:

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 619/QĐ - UBND ngày 28/02/2019 về Kế hoạch thực hiện Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, đã chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các Hội thảo, Hội nghị đề phổ biến, quán triệt như: Hội thảo “Phòng vệ thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế”; Hội thảo “Ngành Logistics Việt Nam trong bối cảnh Hội nhập quốc tế”; Hội nghị phổ biến tuyên truyền các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến dịch vụ logistics. Mỗi hội nghị, hội thảo có hơn 200 người tham gia. Tổ chức 02 đợt phổ biến pháp luật cho các doanh nghiệp và người lao động trong KKT, KCN nhằm giúp các DN trong Khu kinh tế, các khu công nghiệp cập nhật thông tin và thực hiện đầy đủ các quy định của Hiệp định CPTPP và các quy định pháp luật khác cho người lao động trong quá trình hoạt động.

Sở Công Thương cũng đã chủ động cung cấp thông tin, hướng dẫn các vấn đề có liên quan đến Hiệp định CPTPP và các FTA mà Việt Nam tham gia cho các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các trường Đại học, cao đẳng, các Hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh. Đã thiết lập hệ thống thông tin truyền thông 2 chiều xuyên suốt các hoạt động liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế của Trung ương đến địa phương cho tổ chức, doanh nghiệp; đã phối hợp với Cục Xuất nhập khẩu biên soạn bộ tài liệu phổ biến quy định về xuất xứ hàng hóa tại Luật Quản lý ngoại thương.

Thường xuyên cập nhật, cung cấp cho doanh nghiệp trong tỉnh các thông tin về thị

trường, hoạt động xúc tiến thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế; chủ trương chính sách trong lĩnh vực thương mại, công nghiệp... Đã xây dựng chuyên trang thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương (kết nối trực tiếp với trang chủ của Bộ Công Thương) để thông tin tất cả các FTA mà Việt Nam đang tham gia (trong đó có Hiệp định CPTPP); đăng tải các thông tin về các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế, về xu hướng chuyển dịch trọng tâm hợp tác trong khuôn khổ khu vực và thế giới như ASEAN, APEC, WTO, các Hiệp định CPTPP trên Bản tin Công Thương và Website của Sở Công Thương.

Ngoài ra, các sở, ngành của tỉnh thường xuyên cộng tác, phối hợp với Báo Thế giới & Việt Nam, Báo Diễn đàn Doanh nghiệp, SaigonTimes, Báo Đầu tư, Báo Thương hiệu và Công luận, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Báo Bình Định, Đài Phát thanh Truyền hình Bình Định và một số tờ báo uy tín khác nhằm giới thiệu tiềm năng, cơ hội đầu tư, quảng bá hình ảnh của tỉnh và đưa tin phản ánh đầy đủ, kịp thời các hoạt động triển khai thực hiện công tác hội nhập kinh tế quốc tế của các ngành và các địa phương, đơn vị trong tỉnh, trong đó, tập trung tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Trung ương và của tỉnh liên quan đến công tác hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong năm 2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3755/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 về Kế hoạch thực hiện Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (EVFTA) trên địa bàn tỉnh. Theo đó, đã chỉ đạo các Sở, ngành tiếp tục tăng cường phối hợp phổ biến EVFTA cho các đối tượng có liên quan, đặc biệt là các đối tượng có thể chịu tác động như hiệp hội ngành hàng, hợp tác xã, cộng đồng doanh nghiệp, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, người dân... thông qua các phương tiện truyền thông, trang thông tin điện tử, in ấn các ấn phẩm, tài liệu, các chương trình phát thanh và truyền hình, các lớp tập huấn, hội thảo chuyên sâu về chuyên ngành cụ thể nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về nội dung cam kết cũng như các công việc cần triển khai để thực thi hiệu quả EVFTA. Hiện nay, Sở Công Thương và các sở, ngành, địa phương trong tỉnh đã và đang tổ chức triển khai thực hiện theo Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2.3. Báo cáo đánh giá tình hình triển khai Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) trên địa bàn tỉnh thời gian qua và định hướng trong thời gian tới.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Tình hình triển khai phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh .

- *Tình hình phát triển các dự án điện mặt trời:* Từ năm 2018, UBND tỉnh đã tổ chức triển khai lập đề án Quy hoạch phát triển điện mặt trời giai đoạn đến 2020, có xét đến năm 2030 và chủ trương các nhà đầu tư thực hiện khảo sát, nghiên cứu lập đề xuất dự án đầu tư các dự án điện mặt trời. Đến nay, UBND tỉnh đã trình Bộ Công Thương xem xét thẩm định, phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 24 dự án điện mặt trời của các nhà đầu tư đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh hiện có 05 dự án điện mặt trời đã được phê duyệt bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực theo quy định, với tổng công suất là 529,5 MWp. Trong đó có 02 dự án đã đi vào vận hành phát điện từ tháng 06/2019 với tổng công suất là 99,5 MWp và 03 dự án đang triển khai thi công xây dựng với tổng công

suất là 430 MWp, dự kiến sẽ đi vào vận hành phát điện trong tháng 12/2020. Hiện trên địa bàn tỉnh còn khoảng 19 dự án điện mặt trời, với tổng công suất là 899 MWp đã được UBND tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực theo quy định.

- *Tình hình phát triển các dự án điện gió:* Nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực năng lượng điện gió, UBND tỉnh đã quy hoạch khu vực phong điện nằm trong Khu Kinh tế Nhơn Hội và đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 04 dự án điện gió, với tổng công suất 111MW. Đồng thời, từ năm 2018 đã tổ chức triển khai lập đề án Quy hoạch phát triển gió giai đoạn 2020 - 2030.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 01 dự án điện gió đi vào vận hành phát điện từ tháng 01/2020 với công suất 21MW và 03 dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục để triển khai thi công với công suất 90MW. Hiện UBND tỉnh đã trình Bộ Công Thương xem xét thẩm định, phê duyệt hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 02 dự án điện gió, với tổng công suất 175MW.

b) Định hướng trong thời gian tới.

Bình Định là tỉnh được đánh giá có tiềm năng về năng lượng tái tạo. Đây là nguồn năng lượng đang được ưu tiên khuyến khích đầu tư phát triển nhằm thay thế cho các nguồn năng lượng hóa thạch đang ngày một cạn kiệt. Vì vậy, định hướng phát triển các dạng năng lượng trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến tập trung vào các nguồn năng lượng gió và năng lượng mặt trời.

Bên cạnh đó, tỉnh Bình Định rất có tiềm năng để phát triển điện gió ngoài khơi. Hiện nay có nhiều Nhà đầu tư đăng ký khảo sát, nghiên cứu đầu tư dự án điện gió ngoài khơi. Trong tháng 10/2020, UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương cho Tập đoàn PNE (Đức) khảo sát, nghiên cứu, đánh giá tiềm năng gió trên một số khu vực biển thuộc địa bàn các huyện Phù Cát và Phù Mỹ để đề xuất dự án phát triển công viên điện gió ngoài khơi tại tỉnh với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 1,5 tỷ USD. Ngoài ra, UBND tỉnh đã có văn bản báo cáo Bộ Công Thương danh mục các dự án điện gió trên địa bàn tỉnh đề xuất tính toán đưa vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với tổng công suất là 3.074,5MW.

3. Về giao thông vận tải

3.1 Tình hình triển khai và đánh giá hiệu quả của các dự án LRAM trên địa bàn tỉnh từ năm 2019 đến nay. Kế hoạch triển khai thực hiện thời gian tới.

Kết quả triển khai thực hiện:

Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (gọi tắt là dự án LRAMP) trên địa bàn tỉnh, bao gồm 2 hợp phần: Hợp phần Khôi phục, cải tạo đường địa phương và Hợp phần Xây dựng cầu dân sinh.

- Đối với hợp phần Khôi phục, cải tạo đường địa phương:

+ Về công tác khôi phục, cải tạo: Từ năm 2019 đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện khôi phục, cải tạo 10 tuyến đường với tổng chiều dài là 57,92 Km, với tổng mức đầu tư khoảng 202,25 tỷ đồng; trong đó, vốn vay của Ngân hàng Thế giới (WB) là 193,00 tỷ đồng.

+ Về công tác bảo dưỡng thường xuyên: Đã thực hiện bảo dưỡng thường xuyên được khoảng 2.440 Km đường địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường xã), với nguồn kinh phí khoảng 108 tỷ đồng.

- Đối với hợp phần Xây dựng cầu dân sinh: Theo danh mục cầu điều chỉnh bổ sung đã được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 711/QĐ-BGTVT ngày 25/4/2019, trên địa bàn tỉnh có 22 cầu thuộc 03 dự án thành phần (bao gồm 01 cầu treo và 21 cầu cứng), với tổng mức đầu tư khoảng 122,25 tỷ đồng. Đến nay, đã thi công hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng 16/22 cầu; 05/22 cầu đã thi công cơ bản hoàn thành ở hiện trường và còn lại 01/22 cầu đang được tổ chức triển khai thi công ở hiện trường. Riêng đối với danh mục bổ sung cầu Đồng Phê (huyện An Lão), chủ đầu tư dự án đang tổ chức lập hồ sơ, thủ tục để đầu tư xây dựng theo quy định.

Nhìn chung, Dự án LRAMP đã mang lại những hiệu quả thiết thực trong việc phát triển hạ tầng giao thông, giảm gánh nặng cho địa phương trong việc huy động nguồn vốn ngân sách để đầu tư khôi phục, cải tạo đường giao thông và xây dựng mới các cầu dân sinh và duy trì khả năng khai thác, tăng tuổi thọ công trình. Đồng thời, các hạng mục công trình của dự án LRAMP đã góp phần rút ngắn khoảng cách địa lý giữa các bản, làng ở vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh và góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông, tăng kết nối phục vụ mục tiêu xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, tạo điều kiện phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội cho các thôn, bản khó khăn, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian đến, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở GTVT tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư xây dựng đối với danh mục công trình thuộc Dự án LRAMP còn dở dang. Tích cực chủ động liên hệ và làm việc với Bộ GTVT, Tổng Cục Đường bộ Việt Nam để tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình, dự án của Trung ương để tham mưu, đề xuất UBND tỉnh đầu tư sửa chữa, nâng cấp mở rộng các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh theo đúng quy hoạch được duyệt.

3.2 Báo cáo đánh giá về công tác kiểm tra, kiểm soát tình trạng xe quá khổ, quá tải lưu thông trên các tuyến đường trên địa bàn tỉnh từ năm 2019 đến nay. Giải pháp đẩy mạnh xử lý, khắc phục tình trạng này trong thời gian tới.

Kết quả triển khai thực hiện:

Từ năm 2019 đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường chỉ đạo công tác kiểm soát tải trọng xe; kiểm tra, xử lý đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ đường bộ vi phạm chở quá tải trọng, quá khổ. Nhờ đó, tình trạng phương tiện vi phạm chở hàng quá tải trọng, quá khổ đã được hạn chế; ý thức chấp hành pháp luật của lái xe, chủ xe, chủ hàng, đầu mối bốc xếp hàng hóa đã từng bước được nâng lên, góp phần ổn định tình hình trật tự an toàn giao thông trên địa bàn toàn tỉnh.

Sở GTVT đã chỉ đạo Thanh tra Sở tổ thành lập hơn 100 đoàn kiểm tra và tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành, xử lý về vi phạm tải trọng xe trên địa bàn tỉnh. Nội dung kiểm tra, như: kiểm tra tải trọng xe lưu động bằng cân xách tay, trạm cân tải trọng xe lưu động; kiểm soát tải trọng xe tại các đơn vị bốc xếp hàng hóa, đầu mối nguồn hàng, tại các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng hóa; kiểm tra, xử lý vi phạm về tải trọng đường bộ trên các tuyến Quốc lộ chưa được giao quản lý và các tuyến Quốc lộ

được giao ủy thác quản lý đi qua địa bàn tỉnh; kiểm tra, xử lý thường xuyên đối với xe vận chuyển dăm gỗ để rơi vãi trên địa bàn thành phố Quy Nhơn; phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn kiểm tra tải trọng xe đối với các xe chở hàng ra vào các cảng biển trên địa bàn thành phố Quy Nhơn... Kết quả, đã kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính 3.369 trường hợp vi phạm trật tự ATGT; thu nộp ngân sách nhà nước hơn 7,9 tỷ đồng, tước quyền sử dụng có thời hạn đối với 147 giấy phép lái xe, tem kiểm định xe ô tô, phù hiệu xe ô tô, giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Tuy nhiên, với nguồn nhân lực, phương tiện, công cụ, kinh phí phục vụ kiểm tra tải trọng xe còn hạn chế, phải đảm nhiệm nhiều công việc trong cùng thời điểm, trong khi địa bàn bàn rộng, nhiều tuyến đường, vi phạm xảy ra trên tất cả các địa bàn; một số chủ phương tiện, lái xe còn đối phó, né tránh, chống đối; một số đơn vị bốc xếp hàng hóa chưa thực hiện nghiêm việc xếp hàng lên xe theo đúng trọng tải; các nguồn hàng không tập trung, phân tán trên phạm vi toàn tỉnh nên khó duy trì thường xuyên, cùng lúc công tác kiểm soát tải trọng xe ở tất cả các đầu nguồn hàng, kho bãi, cảng... đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kiểm soát tải trọng xe.

Trong thời gian tới, để tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh xử lý, khắc phục tình trạng xe quá khổ, quá tải lưu thông trên các tuyến đường trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm như sau:

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia, Bộ GTVT, UBND tỉnh, Ban An toàn giao thông tỉnh về công tác kiểm soát tải trọng xe. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và đặc biệt là sự ủng hộ mạnh mẽ của người dân, doanh nghiệp đối với công tác kiểm soát tải trọng xe.

- Chủ động nắm chắc tình hình, xây dựng kế hoạch kiểm soát tải trọng xe thường xuyên, hiệu quả trên địa bàn tỉnh, trong đó chú trọng kiểm tra, xử lý ngay từ nơi bốc xếp hàng hóa hạn chế xe chở hàng quá tải lưu thông trên đường bộ; kiểm tra tại các đơn vị vận tải, đơn vị bốc xếp hàng hóa, đầu mối hàng hóa việc thực hiện các nội dung cam kết, xây dựng quy trình bốc xếp, vận chuyển hàng hóa đúng tải trọng, điều kiện kinh doanh vận tải, dịch vụ bốc xếp hàng hóa lên xe; tiếp tục tham gia các Kế hoạch liên ngành mở các đợt cao điểm kiểm tra, xử lý vi phạm về tải trọng xe trên địa bàn, tuyến đường có tình hình phương tiện vận chuyển hàng hóa lớn, phức tạp. Duy trì hoạt động số điện thoại đường dây nóng, bộ phận thường trực tiếp nhận thông tin phản ánh của cá nhân, tổ chức kiểm tra xử lý kịp thời theo quy định.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các nhà thầu thi công công trình cam kết vận chuyển vật liệu thi công đúng tải trọng cho phép; không ký hợp đồng vận chuyển hoặc tạo điều kiện cho các đơn vị vận chuyển hàng hóa quá tải. Xử lý khi xảy ra vi phạm về tải trọng xe thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, đồng thời có biện pháp xử lý nghiêm đối với các đơn vị vi phạm.

- Kiên quyết không kiểm định đối với các phương tiện coi nới thành thùng xe, nhằm giảm tình trạng tự ý cải tạo, coi nới thùng xe để chở hàng quá tải. Tổng hợp, báo cáo các cơ quan chức năng số lượng phương tiện coi nới, phương tiện quá tải để xử lý

theo quy định.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh kiến nghị Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo các chủ đầu tư dự án BOT sớm đưa các Trạm cân kiểm tra tải trọng xe lắp đặt tại các Trạm thu phí đường bộ trên các tuyến quốc lộ vào hoạt động để kiểm soát tải trọng xe trên các tuyến Quốc lộ; thống nhất xây dựng Quy chế phối hợp kiểm soát tải trọng xe giữa ngành Giao thông với Công an để triển khai thực hiện đồng bộ trong cả nước; ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Trạm kiểm tra tải trọng xe để có cơ sở kiện toàn, tổ chức lại hoạt động của trạm kiểm tra tải trọng xe; chỉ đạo các cảng vụ hàng hải tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm về tải trọng phương tiện trong khu vực các cảng biển; các cảng biển thực hiện kiểm soát tải trọng xe trong khu vực cảng và phối hợp với lực lượng chức năng xử lý các trường hợp vi phạm về tải trọng xe ra vào cảng.

4. Về xây dựng

Tình hình triển khai các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua. Dự báo nhu cầu nhà ở xã hội đến năm 2025 và đề xuất các giải pháp đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội cho các đối tượng, nhất là các đối tượng chính sách, công nhân, hộ nghèo...

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà trên địa bàn tỉnh.

Từ năm 2019 đến nay, trên địa bàn tỉnh đã và đang xây dựng 08 dự án nhà ở xã hội, với 4.730 căn hộ. Trong đó, đã xây dựng và đưa vào sử dụng 02 dự án với 621 căn, gồm: Dự án Nhà ở xã hội Phú Mỹ - Quy Nhơn (237 căn) và dự án Nhà ở xã hội - Chung cư Hoàng Văn Thụ (384 căn). Đang thi công xây dựng 06 dự án với 4.109 căn, gồm: Dự án Nhà ở xã hội - Chung cư Hoàng Văn Thụ (phần mở rộng) với 293 căn, dự án Nhà ở xã hội Tân Đại Minh (Lamer1) với 486 căn, dự án Nhà ở xã hội Nam Ngân với 198 căn, dự án Nhà ở xã hội Ecohome Nhơn Bình với 1.355 căn, dự án Khu chung cư nhà ở xã hội An Phú Thịnh với 926 căn, dự án Nhà ở xã hội Tân Đại Minh 2 (Lamer2) với 851 căn.

Ngoài ra, UBND tỉnh đã công nhận 04 chủ đầu tư dự án với khoảng 2.100 căn nằm trên địa bàn thành phố Quy Nhơn (gồm: Dự án Chung cư nhà ở xã hội Việt Pháp; dự án Nhà ở xã hội Nhơn Phú; dự án Nhà ở xã hội PISICO; dự án Nhà ở xã hội chung cư Phú Tài Lộc). Dự kiến các dự án nêu trên sẽ khởi công xây dựng trong năm 2021.

Nhìn chung, tiến độ triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà trên địa bàn tỉnh Bình Định thời gian qua cơ bản đảm bảo, đáp ứng nhu cầu nhà ở cho các nhóm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội theo quy định. Đối với việc triển khai các dự án nhà ở xã hội cho công nhân, do thực tế công nhân tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh ở tại nhà với cự ly di chuyển đến nơi làm việc không xa, có xe đưa đón đi về trong ngày, nên rất ít đối tượng có nhu cầu về chỗ ở, UBND tỉnh đã và đang chỉ đạo Sở Xây dựng tiếp tục rà soát, kịp thời đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội theo nhu cầu và phù hợp với thực tế, kịp thời đáp ứng nhu cầu về nhà ở xã hội cho các đối tượng có liên quan.

b) Dự báo nhu cầu nhà ở xã hội đến năm 2025:

Để đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội cho các nhóm đối tượng theo quy định của Luật

Nhà ở, UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019, số 11/2020/QĐ-UBND ngày 01/4/2020, số 30/2020/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 và số 39/2020/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 về việc sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 và bổ sung giai đoạn 2021-2025. Theo đó, nhu cầu đến năm 2025 cần đáp ứng khoảng 18.910 căn hộ/nhà (trong đó: Nhà ở xã hội tại đô thị khoảng 16.760 căn; Nhà ở xã hội cho người lao động khoảng 2.150 căn).

c) Giải pháp đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội cho các đối tượng, nhất là các đối tượng chính sách, công nhân, hộ nghèo.

UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 về việc quy định về đối tượng, điều kiện và tiêu chí ưu tiên để lựa chọn các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội tại các dự án do các thành phần kinh tế đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 62/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 05/4/2019, qua đó đã điều chỉnh thang điểm ưu tiên của tỉnh để các đối tượng chính sách, công nhân, hộ nghèo... được cộng thêm điểm, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng này được giải quyết mua nhà ở theo quy định.

Trong thời gian đến, UBND tỉnh tiếp tục xem xét các giải pháp hạ giá bán nhà ở xã hội để các đối tượng chính sách, công nhân, hộ nghèo... có điều kiện mua như: Khuyến khích đưa vào sử dụng các vật liệu mới, công nghệ xây dựng hiện đại đối với dự án nhà ở xã hội; xây dựng nhà ở xã hội thấp tầng; ưu tiên được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội Bình Định...

Ngoài ra, UBND tỉnh đang xem xét chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu đề xuất bố trí nguồn vốn từ quỹ đất 20% trong các dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở thương mại có quy mô dưới 10ha do các chủ đầu tư lựa chọn hình thức nộp tiền để hỗ trợ phát triển các dự án nhà ở xã hội.

5. Về quản lý tài nguyên và môi trường

5.1 Báo cáo đánh giá kết quả công tác kiểm tra, xử lý tình trạng lấn chiếm đất đai, cất nhà trái phép tại các địa phương thời gian qua. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

Thời gian qua, công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh có chuyển biến tích cực, việc quản lý, sử dụng đất đai ngày càng có hiệu lực, hiệu quả, cơ bản đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đất đai; công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các trường hợp vi phạm về đất đai được tăng cường; các cấp, các ngành tập trung giải quyết các vụ việc khiếu nại, tranh chấp về đất đai theo quy định...

Tính đến nay, toàn tỉnh đã xử lý 1.993/2.887 trường hợp lấn, chiếm đất đai xây dựng nhà trái phép; còn 864 trường hợp đang tiếp tục xử lý theo quy định (trong đó có 758 trường hợp vi phạm từ ngày 01/7/2014 đến 31/12/2019 và 104 trường hợp vi phạm từ ngày 01/01/2020 đến 10/6/2020). Hiện nay, UBND các huyện, thị xã, thành phố đang tiếp tục xây dựng kế hoạch để xử lý cưỡng chế dứt điểm các trường hợp này.

Đối với địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, thời gian qua Sở Tài nguyên và Môi trường

đã phối hợp với Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các địa phương: TP Quy Nhơn, huyện Tuy Phước và huyện Phù Cát thực hiện công tác cưỡng chế, tháo dỡ đối với 52 trường hợp; đang tiếp tục củng cố hồ sơ để tổ chức cưỡng chế, tháo dỡ đối với các trường hợp vi phạm còn lại theo kế hoạch. Bên cạnh đó, UBND các xã có liên quan cũng đã chủ động cưỡng chế 08 trường hợp.

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của UBND tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố, công tác xử lý lấn, chiếm đất đai trên địa bàn toàn tỉnh đã đạt được kết quả đáng kể; tình trạng lấn, chiếm đất đai xây dựng nhà trái phép trên địa bàn khu kinh tế đã được ngăn chặn kịp thời; các địa phương cũng đã vào cuộc quyết liệt trong việc xử lý lấn, chiếm đất đai xây dựng nhà trái phép, qua đó số lượng phát sinh giảm đáng kể so với những năm trước đây.

Tuy nhiên, qua quá trình thực hiện xử lý lấn, chiếm đất đai xây dựng nhà trái phép tại các địa phương còn bộc lộ một số hạn chế, khó khăn, cụ thể: Một số địa phương chưa thực sự kiên quyết trong xử lý, chưa kịp thời lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử lý vi phạm theo quy định; có địa phương để người dân xây dựng công trình vi phạm, gây khó khăn trong việc xử lý cưỡng chế sau này. Lực lượng cán bộ chuyên môn ở địa phương còn mỏng, nhất là cán bộ địa chính phường, xã, thị trấn. Một số trường hợp thực tế, việc cán bộ địa chính cấp xã thực hiện công tác kiểm tra, phát hiện, đề xuất xử lý lấn, chiếm đất đai trên địa bàn quản lý chưa kịp thời. Công tác tuyên truyền, vận động người dân tự tháo dỡ nhà, công trình xây dựng trái phép chưa thường xuyên; trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện việc cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm, một số địa phương còn lúng túng trong việc áp dụng quy định pháp luật để xử lý sai phạm.

Để tiếp tục thực hiện tốt công tác xử lý lấn, chiếm đất đai, xây dựng nhà trái phép, nhằm ngăn chặn vi phạm ngay từ đầu, không để phát sinh tồn tại phức tạp, UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến mọi tầng lớp người dân các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đất đai, các chế tài xử phạt vi phạm hành chính,...

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ cấp xã về Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ ban hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 21/2020/NĐ-CP ngày 17/02/2020 sửa đổi Nghị định 39/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về xử phạt trong lĩnh vực xây dựng.

- UBND cấp huyện tập trung chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND cấp xã phải tiếp tục kiểm tra, phát hiện ngăn chặn và xử lý các trường hợp tồn tại; tăng cường tổ chức kiểm tra phát hiện, xử lý ngay từ đầu các hành vi lấn, chiếm đất đai mới.

- Tập trung rà soát tình hình quản lý sử dụng đất đối với các trường hợp vi phạm trước ngày 01/7/2014 còn tồn đọng để biện pháp xử lý theo đúng quy định pháp luật; đồng thời, tiếp tục tăng cường kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý cưỡng chế tháo dỡ nghiêm túc các trường hợp lấn chiếm đất đai, cất nhà trái phép sau ngày 01/7/2014.

5.2 Báo cáo đánh giá thực trạng, kết quả nổi bật đạt được trong công tác bảo

vệ môi trường tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh thời gian qua. Các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục tình trạng này trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

Trong những năm qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai đồng bộ công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ môi trường, nhất là môi trường nông thôn, qua đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, ổn định đời sống người dân các địa phương nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường, sinh thái.

Công tác bảo vệ môi trường nông thôn luôn được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện, góp phần thực hiện thành công Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Đối với vấn đề rác thải khu vực nông thôn, đến nay khu vực nông thôn đã thực hiện thu gom và xử lý 50% lượng rác thải sinh hoạt, 80% số xã có đơn vị thu gom rác thải tập trung; các huyện, thị xã đã và đang xây dựng, thực hiện Đề án thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nông thôn (hiện đã có 6 địa phương gồm: Hoài Ân, An Lão, Tuy Phước, Vân Canh, Vĩnh Thạnh, Hoài Nhơn xây dựng Đề án; trong đó có 2 huyện An Lão và Tuy Phước đã ban hành và tổ chức thực hiện trên địa bàn).

Ngoài ra, Sở Tài nguyên và môi trường đã phối hợp với Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật tỉnh tổ chức triển khai mô hình xử lý rác thải tại hộ gia đình bằng công nghệ sử dụng chế phẩm sinh học tại các huyện Tây Sơn, Phù Mỹ, Phù Cát và Thị xã An Nhơn. Bên cạnh việc xử lý rác thải sinh hoạt, mô hình cũng được áp dụng để xử lý phân gia súc, gia cầm, giảm thiểu mùi hôi và tái sử dụng làm phân bón. Các mô hình nêu trên được người dân nông thôn hưởng ứng và nhân rộng, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn.

Đối với vấn đề môi trường phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, UBND tỉnh đã chỉ đạo phát hành tài liệu Hướng dẫn công tác quản lý nhà nước trong hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở cho UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai đồng bộ công tác quản lý môi trường trong chăn nuôi. Đồng thời, thông qua công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng, nhiều hộ chăn nuôi đã xây dựng, lắp đặt công trình biogas xử lý chất thải chăn nuôi (đến nay trên toàn địa bàn tỉnh đã có khoảng 23.500 công trình biogas). Nhiều trang trại chăn nuôi quy mô lớn đã xây dựng các công trình xử lý chất thải sau biogas, qua đó đã góp phần giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường trong hoạt động chăn nuôi.

Tuy nhiên, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, một số vấn đề về môi trường tuy đã được quan tâm chỉ đạo xử lý nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, tồn tại, gây bức xúc trong nhân dân các địa phương. Trong đó, vấn đề quản lý chất thải rắn sinh hoạt gặp nhiều khó khăn. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt ở khu vực nông thôn còn thấp so với khu vực thành thị (đạt 77%, riêng thành phố Quy Nhơn đạt 100%); vẫn còn tình trạng xả rác ở các khu vực công cộng, các tuyến đường giao thông, kênh mương thủy lợi, sông suối, gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường,...; một số địa bàn vẫn chưa giải quyết tốt vấn đề môi trường do hoạt động chăn nuôi nông hộ;...

Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, góp phần thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, sinh thái trong giai đoạn tới, nhất là bảo vệ môi trường tại khu vực nông thôn, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở,

ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các chủ trương, chính sách của tỉnh về bảo vệ môi trường; chú trọng thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức cá nhân, kiên quyết xử lý những hành vi vi phạm pháp luật theo đúng quy định.

- Tập trung đẩy mạnh thực hiện các giải pháp theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về bảo vệ môi trường khu vực nông thôn; trong đó, chú trọng thực hiện đạt và vượt các tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

- Tập trung nguồn lực, bố trí kinh phí đảm bảo để từng bước cải thiện tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, lắp đặt các bể thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên đồng ruộng và tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi xây dựng các công trình xử lý chất thải, sử dụng chế phẩm vi sinh giảm thiểu mùi hôi.

- Từng bước kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã; trong đó, chú trọng đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường cấp xã để đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

6. Về Khu kinh tế Nhơn Hội, các khu công nghiệp

6.1 Báo cáo tình hình phát triển các khu đô thị và hệ thống giao thông kết nối trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội hiện nay và các định hướng lớn thời gian tới.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Về tình hình phát triển các đô thị tại Khu kinh tế Nhơn Hội:

Theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nhơn Hội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 514/QĐ-TTg ngày 08/5/2019, Khu kinh tế Nhơn Hội sẽ hình thành và phát triển 05 Khu đô thị mới, gồm: Khu đô thị Cát Tiến (513 ha), Khu đô thị Nhơn Hội (1.085 ha), Khu đô thị Mai Hương (655 ha), Khu đô thị Becamex A (374 ha), Khu đô thị Becamex B (656 ha). Ngoài ra, trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội còn có các khu dân cư hiện trạng như: Khu dân cư Nhơn Lý, Khu dân cư Nhơn Hải, Khu dân cư Hải Minh,... Các khu dân cư này, từng địa phương sẽ quy hoạch chỉnh trang và phát triển thành đô thị.

Hiện nay, Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (thuộc Khu đô thị Nhơn Hội) đã và đang được đầu tư, xây dựng với quy mô diện tích 601,8 ha, chia thành 11 phân khu (9 phân khu ở); UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các Phân khu: Số 2 (36,1ha), số 4 (34,1ha), số 5 (20ha), số 6 (36,5ha), số 8 (16,5ha), số 9 (45,9ha). Hiện nay, các Chủ đầu tư: Công ty CP Phát triển Bất động sản Phát Đạt, Công ty CP Tập đoàn FLC và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đã đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật và kết nối với các hạ tầng của khu vực.

Trong thời gian tới, UBND tỉnh giao Ban Quản lý Khu kinh tế phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức lập Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị, Chương trình và Kế hoạch phát triển đô thị của 05 Khu đô thị nêu trên trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định, làm cơ sở thu hút đầu tư và triển khai đầu tư hạ tầng đô thị, nhằm phát triển các khu đô thị nêu trên.

b) Về tình hình phát triển hệ thống giao thông kết nối trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội:

Hạ tầng giao thông của Khu kinh tế Nhơn Hội đã cơ bản hoàn thành theo quy hoạch được duyệt, cụ thể như sau:

- Hệ thống giao thông đối nội: Tuyến trục chính Bắc Nam (Đoạn trùng với QL.19B), chiều dài 15,7km, lộ giới 65m-80m; các tuyến đường ngang chính đã đầu tư xây dựng hoàn thành với lộ giới 52m-65m, gồm: Tuyến đường nối từ đường trục đến trung tâm xã Nhơn Lý, tuyến đường chuyên dụng phía tây, đường ra cảng Nhơn Hội; tuyến đường trung tâm lõi Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội 1,7km, lộ giới 50m; tuyến đường nối từ đường trục đến Khu tâm linh chùa Linh Phong 2,5km, lộ giới 20,5m; các tuyến đường thuộc khu công nghiệp Nhơn Hội (Khu A, B, C) với tổng chiều dài khoảng 27km, lộ giới 20m-30m; tuyến đường ĐT639, lộ giới 5,5m.

- Hệ thống giao thông đối ngoại: Tuyến đường QL.19B nối từ Khu kinh tế Nhơn Hội đến sân bay Phù Cát; QL.19 mới đoạn nối từ cầu Thị Nại đến giao đường QL.1 (ngã ba cầu Gành); tuyến đường ven biển (ĐT639), đoạn Cát Tiến - Đê Gi; QL.19C đoạn đi qua xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.

Trong thời gian đến, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo đầu tư hoàn thiện hạ tầng giao thông trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, cụ thể như sau:

- Hệ thống giao thông đối nội: Tuyến đường liên khu vực Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (dài 516m lộ giới 27m); tuyến đường trục Khu kinh tế nối dài từ Km0+00 đến vịnh Mai Hương (dài 1,8km, lộ giới 80m); tuyến đường vành đai phía đông Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (dài 2,5km, lộ giới 27m); Cầu nối Khu du lịch Hải Giang Merry land và Khu đô thị Mai Hương.

- Thực hiện các thủ tục đầu tư và triển khai các công trình hạ tầng giao thông đối ngoại: Cầu Thị Nại 2 với hướng tuyến đi song song với cầu Thị Nại 1, quy mô 4 làn xe + 1 làn hỗn hợp; tuyến đường ven biển (dài 20,65km, lộ giới 20,5m); Nâng cấp tuyến ĐT640 đoạn từ QL.19 mới đến Cát Tiến; tuyến đường tránh QL.1A (nối từ QL.19 - QL.19C tại Canh Vinh).

6.2 Báo cáo tình hình xử lý một số vấn đề gây ô nhiễm môi trường tại Khu kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh từ năm 2019 đến nay. Đề xuất giải pháp khắc phục trong thời gian tới.

Kết quả triển khai thực hiện:

Thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung giải quyết dứt điểm các ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến vấn đề ô nhiễm môi trường (khói, bụi, mùi hóa chất, xả thải chưa qua xử lý...) tại Khu kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, đến nay cơ bản các doanh nghiệp đã thực hiện khắc phục các sự cố liên quan đến môi trường theo kiến nghị cử tri đạt yêu cầu đề ra.

Riêng đối với các Nhà máy sản xuất viên nén gỗ, nhất là các dự án có vị trí gần khu vực dân cư tình trạng phản ánh, kiến nghị của người dân diễn ra nhiều lần do đặc thù ngành nghề sản xuất sử dụng mùn cưa, dăm bào thu mua từ các nhà máy chế biến gỗ, quá trình vận chuyển, nhập kho lưu chứa và sản xuất làm phát tán bụi ra môi trường. Cụ

thể, từ năm 2019 đến nay có 03 doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Phú Tài gồm: Công ty TNHH Năng lượng sinh học Tín Nhân, Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Trường Phát và Công ty TNHH Nông Trại Xanh nhận được nhiều ý kiến kiến nghị, phản ánh của nhân dân khu vực, doanh nghiệp lân cận và thông tin phản ánh của báo chí về tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành hoạt động. UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh kiểm tra, xác minh và có nhiều văn bản đôn đốc, yêu cầu các doanh nghiệp khắc phục, nhưng vẫn chưa giải quyết triệt để. Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định xử phạt 03 doanh nghiệp nêu trên với tổng số tiền 186 triệu đồng.

Hiện nay, Công ty TNHH Năng lượng sinh học Tín Nhân đã hoàn thành việc thực hiện các giải pháp khắc phục ô nhiễm môi trường theo hướng dẫn của cơ quan chức năng và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt, đang vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định; 02 doanh nghiệp còn lại đang trong quá trình thực hiện khắc phục theo hướng dẫn của cơ quan chức năng.

Thời gian đến, UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tiếp tục tăng cường theo dõi, kiểm soát chặt chẽ quá trình hoạt động của các nhà máy sản xuất tại Khu kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp, đặc biệt là các nhà máy sản xuất viên nén sinh học để kịp thời xử lý nếu có xảy ra sự cố về môi trường. Tiếp tục đầu tư, xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung tại KKT Nhơn Hội và các KCN. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường, các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến; kiểm soát chặt chẽ việc thu gom, xử lý chất thải của các dự án đầu tư trên địa bàn KKT Nhơn Hội và các KCN để không xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời, bố trí các ngành nghề sản xuất phù hợp nhằm tránh ảnh hưởng đến khu vực dân cư và đảm bảo về mặt môi trường giữa các dự án thứ cấp trong các khu công nghiệp.

7. Về du lịch

Kết quả chủ yếu về tình hình phát triển du lịch tỉnh từ năm 2019 đến nay. Định hướng phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Kết quả triển khai thực hiện:

7.1 Kết quả tình hình phát triển du lịch từ năm 2019 đến nay.

Từ đầu năm đến nay, trước bối cảnh chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 bùng phát, diễn biến kéo dài trên thế giới và cả nước, đã ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng du lịch và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gây khó khăn cho việc hoàn thành các mục tiêu phát triển của ngành du lịch trong năm 2020 và Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016 - 2020. Trước tình hình đó, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, giải pháp quan trọng nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực du lịch và phát triển du lịch, góp phần ngăn chặn đà suy giảm sâu của lĩnh vực du lịch, tạo điều kiện để ngành du lịch tỉnh phục hồi và phát triển trong thời gian tới.

Trong năm 2019, hoạt động du lịch của tỉnh tăng trưởng khá; tổng lượng khách du lịch đến tỉnh đạt trên 4,8 triệu lượt, tăng 18% so cùng kỳ (trong đó, khách du lịch quốc tế đạt trên 484.000 lượt, tăng 47,8%; khách nội địa đạt trên 4,3 triệu lượt, tăng 15,4%).

Tổng doanh thu du lịch đạt 6.000 tỷ đồng, tăng 49,9% so cùng kỳ.

10 tháng năm 2020, tổng lượng khách du lịch đến tỉnh ước đạt khoảng 2 triệu lượt khách, giảm 55% so với cùng kỳ (trong đó khách quốc tế ước đạt hơn 132.000 lượt, giảm 55%; khách nội địa ước đạt 1,87 triệu lượt, giảm 54% so với cùng kỳ). Tổng doanh thu du lịch ước đạt 2.400 tỷ đồng, giảm 56% so với cùng kỳ.

a) Về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch:

- Về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch: Về hàng không, Nhà ga hành khách Cảng Hàng không Phù Cát được mở rộng và xây dựng mới, hiện đại, đạt tiêu chuẩn phục vụ các chuyến bay nội địa và quốc tế. Ngày 04/01/2020, chuyến bay quốc tế đầu tiên hành trình từ Cheongju-Hàn Quốc đã đến sân bay Phù Cát.

Hệ thống giao thông kết nối các khu, điểm du lịch từng bước được hoàn thiện. Đã triển khai đầu tư nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa, lịch sử quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn. Đường vào các lò võ và các di tích trên địa bàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng một số hạng mục.

Công tác chỉnh trang đô thị, tôn tạo cảnh quan thành phố Quy Nhơn được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Quảng trường Nguyễn Tất Thành đã trở thành không gian trung tâm của Thành phố; nâng cấp, mở rộng các công viên; bổ sung cây xanh, hệ thống chiếu sáng, hình thành nhiều tuyến đường đẹp như An Dương Vương, Nguyễn Tất Thành. Mở rộng đường Xuân Diệu và công viên biển Xuân Diệu trở thành tuyến đường du lịch xanh, sạch, đẹp tạo thành trục cảnh quan ven biển, không gian du lịch vịnh Quy Nhơn. Khu vực bãi biển Quy Nhơn từ Mũi Tấn đến Ghềnh Ráng tiếp tục được quy hoạch, chỉnh trang xanh, sạch, đẹp, an toàn cho du khách. Đầu năm 2020, Thành phố Quy Nhơn là một trong ba thành phố của Việt Nam được nhận giải thưởng là Thành phố Du lịch sạch Asean.

- Về đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch: Công tác thu hút đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được đẩy mạnh. Nhiều dự án trọng điểm dọc tuyến Nhơn Lý - Cát Tiến, Quốc lộ 1D đã hoàn thành và đi vào hoạt động như: Dự án Quần thể resort, biệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp FLC Nhơn Lý; Học viện golf FLC Quy Nhơn; Quần thể du lịch, lịch sử tâm linh chùa Linh Phong; Khu dã ngoại Trung Lương và Crown Retreat Quy Nhơn Resort (Cát Tiến, Phù Cát); Khách sạn Hương Việt; Khách sạn Anya; Resort cao cấp Anantara, Casa Marina Resort (Bãi Xếp, Ghềnh Ráng)... Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 58 dự án đầu tư du lịch, trong đó có 13 dự án đã hoàn thành hoặc hoàn thành từng phần đi vào hoạt động và 45 dự án đang triển khai đầu tư.

b) Về phát triển sản phẩm du lịch:

Du lịch biển, đảo đã trở thành thương hiệu của du lịch Bình Định. Đã hình thành nhiều sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp; sinh thái, khám phá biển, lặn biển ngắm san hô; phát triển sản phẩm thể thao, vui chơi giải trí ở các bãi biển gắn với mua sắm, ẩm thực, nhất là tại các khu vực có rạn san hô đẹp như Hòn Khô, Kỳ Co, đảo Nhơn Châu, các làng chài... từng bước tạo nên thương hiệu và sức cạnh tranh của sản phẩm du lịch biển, đảo Bình Định.

Đối với du lịch văn hóa - lịch sử, tiếp tục trùng tu, tôn tạo các di tích văn hóa, lịch

sử nhất là di tích liên quan phong trào nông dân Tây Sơn; di tích liên quan không gian văn hóa Chăm; các di tích lịch sử cách mạng; tổ chức các lễ hội truyền thống (Lễ hội chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, Lễ hội Chợ Gò, Lễ hội Đô thị Nước Mặn..), Liên hoan quốc tế võ cổ truyền Việt Nam tại Bình Định gắn với phát triển loại hình du lịch văn hóa - lịch sử và khai thác quảng bá có hiệu quả loại hình nghệ thuật đặc sắc của Bình Định, các di sản văn hóa phi vật thể của quốc gia và thế giới như hát bội, bài chòi, võ cổ truyền;... Về du lịch “hội nghị, hội thảo, triển lãm và sự kiện” kết hợp du lịch khoa học và các sản phẩm du lịch có tiềm năng khác: Đã phối hợp Hội Gặp gỡ Việt Nam, Trung tâm quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành tổ chức thành công các chuỗi sự kiện trong Chương trình “Gặp gỡ Việt Nam”, góp phần quảng bá thương hiệu du lịch Bình Định đến bạn bè thế giới.

c) Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch:

Thời gian qua, công tác giới thiệu, quảng bá hình ảnh du lịch Quy Nhơn - Bình Định đến các du khách trong nước và quốc tế tiếp tục được triển khai hiệu quả. Đã triển khai thực hiện quảng bá thông tin du lịch Quy Nhơn - Bình Định trên Tạp chí One to Fly (hãng hàng không Vietjet), Tạp chí Vietnam Traveller, Tạp chí Du lịch, Tạp chí Look - Bamboo Airway. Phối hợp với Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ Truyền hình - Đài truyền hình Việt Nam thực hiện chương trình Âm thực kỳ thú phát sóng trên kênh VTV3 để giới thiệu, quảng bá những nét đẹp trong phong cảnh cũng như cuộc sống, văn hóa ẩm thực của người dân thành phố Quy Nhơn - Bình Định; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long thực hiện Ký sự truyền hình “Vị Xuân Đất Võ”; thực hiện các chuyên đề “Du lịch Quy Nhơn - Bình Định an toàn, thân thiện và hấp dẫn” phát sóng trên kênh truyền hình - Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.

Triển khai các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Bình Định tại Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020 và các lễ hội, sự kiện diễn ra trong dịp Lễ, Tết. Triển khai thực hiện chương trình bình chọn “Top 10 điểm đến hấp dẫn nhất Bình Định”; phối hợp với Sở Ngoại vụ đề xuất các hoạt động kỷ niệm 65 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam và In-đô-nê-xi-a năm 2020...

d) Quản lý nhà nước về du lịch tiếp tục được tăng cường: Sở Du lịch phối hợp với Đội kiểm tra liên ngành du lịch và các ngành liên quan kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh du lịch và dịch vụ du lịch trên địa bàn tỉnh; kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về hoạt động kinh doanh Lữ hành, hướng dẫn viên, kinh doanh lưu trú, các nhà hàng, cơ sở mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh và các phương tiện vận chuyển khách du lịch.

7.2 Giải pháp trọng tâm phát triển du lịch thời gian đến.

Để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh trong thời gian tới, UBND tỉnh giao Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ giải pháp trọng tâm như sau:

- Tiếp tục đổi mới nhận thức, tư duy về phát triển du lịch. Đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển du lịch theo quy luật kinh tế thị trường, đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, doanh nghiệp,

cộng đồng trong ứng xử văn minh, thân thiện với khách du lịch và bảo vệ hình ảnh, môi trường du lịch góp phần phát triển du lịch bền vững, nâng cao uy tín, thương hiệu và sức thu hút của du lịch Bình Định.

- Phát triển thị trường khách du lịch. Tiếp tục ưu tiên thu hút khách thị trường thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh là các thị trường nội địa có chi tiêu cao, thuận lợi về giao thông. Đẩy mạnh thu hút khách các thị trường gần có nguồn khách lớn và mức tăng trưởng nhanh như thị trường Đông Bắc Á, Nga, Đông Âu và thị trường Đông Nam Á; coi đây là thị trường quan trọng, thúc đẩy sự tăng trưởng nguồn khách quốc tế của du lịch Bình Định trong thời gian tới.

- Đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch có giá trị gia tăng cao và bền vững, tạo thương hiệu cạnh tranh lâu dài.

- Đầu tư phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ; tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông tại các cụm du lịch, liên kết các cụm du lịch và tại các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch; đầu tư điểm dừng, nghỉ trên các tuyến đường bộ. Tăng cường thu hút đầu tư các phương tiện vận tải biển chất lượng cao phục vụ khách du lịch. Đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào vận hành các dự án du lịch, đặc biệt là cơ sở lưu trú, cơ sở vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng phức hợp cao cấp.

- Thực hiện chiến lược quảng bá, xúc tiến du lịch trọng tâm, trọng điểm theo thị trường khách du lịch. Xây dựng Bộ nhận diện thương hiệu và chiến lược phát triển thương hiệu du lịch Quy Nhơn - Bình Định; phát triển thành phố Quy Nhơn thành trung tâm du lịch của vùng gắn với thương hiệu “Quy Nhơn - Thành phố du lịch sạch ASEAN”.

- Huy động các nguồn lực đầu tư phát triển du lịch. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước đầu tư vào các dự án hạ tầng, các khu dịch vụ du lịch phức hợp, dự án du lịch quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, giải trí chất lượng cao tại các địa bàn du lịch trọng điểm. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để người dân trực tiếp tham gia kinh doanh và hưởng lợi từ du lịch.

- Xây dựng nguồn nhân lực phục vụ du lịch chuyên nghiệp, chất lượng cao. Phát triển du lịch thông minh và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động du lịch. Tăng cường quản lý nhà nước về du lịch; chú trọng thanh tra, kiểm tra liên ngành và chuyên ngành trong hoạt động du lịch.

- Nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và địa phương, cộng đồng dân cư về xây dựng nếp sống văn minh, bảo đảm vệ sinh, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống dịch bệnh; an ninh, an toàn cho du khách, tạo dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện. Xây dựng Bình Định thành điểm đến du lịch 3 tốt, 3 không; thể hiện rõ hình ảnh du lịch Bình Định gắn với tiêu chí: an toàn, thân thiện, hấp dẫn. Khuyến khích các cơ sở dịch vụ du lịch sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, sản phẩm tái chế, tái sử dụng, ứng dụng công nghệ sạch để hạn chế ô nhiễm môi trường.

8. Về nội vụ

Báo cáo việc thực hiện sắp xếp và thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ

không chuyên trách cấp xã, thôn trên địa bàn tỉnh. Nêu khó khăn, hạn chế và giải pháp thực hiện hiệu quả trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, ngày 20/7/2018 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Đến nay đã có 159/159 xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện (đạt tỉ lệ 100%). Qua sắp xếp toàn tỉnh đã tinh giản được 2.161 người (cấp xã giảm 870 người; thôn, khu phố giảm 1.291 người); có 1.425 người được bố trí kiêm nhiệm (cấp xã 173 người; thôn, khu phố 1.252 người).

Nhìn chung, việc sắp xếp và thực hiện chính sách, chế độ đối với người hoạt động không chuyên trách theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh nhận được sự đồng tình ủng hộ của hầu hết các địa phương trong tỉnh, góp phần tinh gọn bộ máy, khắc phục sự chòng chẹo về nhiệm vụ giữa công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách, khuyến khích việc bố trí kiêm nhiệm để nâng cao mức phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách. Bên cạnh đó, một số địa phương đề nghị bổ sung chức danh Văn phòng Đảng ủy, bổ sung chức danh người đứng đầu các hội đặc thù (Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi ...) được hưởng trợ cấp hàng tháng và đề nghị tăng mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội.

Tuy nhiên, sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 thì một số quy định tại Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND không còn phù hợp. Vì vậy, theo Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh, Sở Nội vụ đang phối hợp các cơ quan có liên quan dự thảo Quy định thay thế Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Hiện nay, dự thảo Quy định đang trong quá trình lấy ý kiến phản biện của các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, dự kiến sẽ trình HĐND tỉnh vào kỳ họp cuối năm 2020.

9. Về y tế

Báo cáo tình hình đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành y tế trong thời gian qua và định hướng hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả công tác khám chữa bệnh cho nhân dân thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

Trong những năm qua, cơ sở vật chất của ngành Y tế từng bước được đầu tư theo chiều sâu, góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, đã đầu tư tương đối hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho Bệnh viện Lao và bệnh phổi, Bệnh viện Tâm thần và Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố. Tranh thủ nguồn vốn Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện để đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế, thiết bị thu gom chất thải rắn... cho Bệnh viện đa

khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn, Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn và Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn.

- Bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu của Trung ương, kinh phí hỗ trợ của một số ngân hàng thương mại và nguồn ngân sách tỉnh, đã đầu tư xây dựng mới Khu khám - kỹ thuật nghiệp vụ (05 tầng) và các hạng mục phụ trợ trên phần đất mở rộng của Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn; xây dựng mới Khu điều trị bệnh nhân (07 tầng) của Trung tâm Y tế huyện Hoài Nhơn trên phần đất mở rộng.

- Đặc biệt, UBND tỉnh đã đầu tư cơ sở vật chất cho Bệnh viện đa khoa tỉnh. Từ năm 2017 đến nay, đã triển khai thi công xây dựng nhiều hạng mục như: Xây dựng mới khoa chống nhiễm khuẩn, Khu điều trị và chẩn đoán hình ảnh thăm dò chức năng (07 tầng), Kho lưu trữ hồ sơ bệnh án, khu giảng dạy, thực hành sinh viên y khoa, các phòng chức năng và khoa giải phẫu bệnh; nâng cấp, xây dựng khoa Truyền nhiễm; sửa chữa, cải tạo khoa Sản, khoa Nhi sơ sinh; sửa chữa, cải tạo Nhà Mổ thuộc khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức;... Bệnh viện đa khoa tỉnh cũng được đầu tư rất nhiều trang thiết bị bằng nguồn vay của cơ quan hợp tác Nhật Bản – JICA.

- Đối với các trạm y tế xã: Từ nguồn vốn của Trung ương đã triển khai đầu tư xây dựng mới các trạm y tế xã/phường: Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn; Cát Hanh, Cát Hưng, huyện Phù Cát. UBND huyện, thị xã, thành phố trong thời gian qua đã đầu tư xây dựng 28 trạm y tế; đến nay cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu công tác khám chữa bệnh cho nhân dân.

Trong thời gian tới, tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về việc tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và chính quyền, đoàn thể các địa phương để chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp về Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh đến năm 2025 theo Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh, gắn với tăng cường chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân; trên cơ sở đảm bảo tính tuân thủ, thực thi phù hợp với các quy định, chính sách mới của Đảng và Nhà nước.

Tiếp tục kiện toàn và từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Triển khai thực hiện các dự án, công trình đã được phê duyệt, đã có chủ trương về đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng một số khoa/phòng tại các bệnh viện, cơ sở y tế để đảm bảo điều kiện phục vụ khám bệnh, chữa bệnh, dự phòng và mở rộng cung ứng các dịch vụ y tế cho người dân. Khuyến khích phát triển hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận.

10. Về lao động - thương binh và xã hội

Đánh giá tình hình xuất khẩu lao động và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh từ năm 2019 đến nay. Giải pháp tăng cường xuất khẩu lao động và giải quyết việc làm trong thời gian tới, đặc biệt là tạo việc làm cho sinh viên mới ra trường.

Kết quả triển khai thực hiện:

10.1 Một số kết quả nổi bật đạt được.

Trong thời gian qua, UBND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo, ban hành các chính sách, giải pháp nhằm tăng cường xuất khẩu lao động và giải quyết việc làm cho lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh, như: Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 về Chương trình giải quyết việc làm tỉnh giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 Quy định chính sách hỗ trợ cho người lao động tỉnh đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, giai đoạn 2017-2020.

Từ năm 2019 đến nay, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện và đạt một số kết quả:

- Đã tổ chức 04 Hội nghị tư vấn, tuyên truyền cho khoảng 650 cán bộ là Lãnh đạo UBND các xã, thị trấn, cán bộ làm công tác văn hóa - xã hội; 13 lớp tập huấn nâng cao năng lực cán bộ làm công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và tuyên truyền viên cơ sở cho khoảng 2.920 lượt cán bộ. Tổ chức 05 Hội nghị tư vấn, tuyên truyền về Đào tạo nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự được xuất ngũ về địa phương khoảng 1.184 chiến sỹ.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, các địa phương phân bổ 281 tỷ đồng từ nguồn vốn bổ sung để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng làm. Đồng thời, hỗ trợ 708 người lao động vay vốn với tổng số tiền là 53.795 tỷ đồng để tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Tổ chức thành công 43 phiên giao dịch việc làm cố định tại văn phòng Trung tâm và các điểm vệ tinh; 80 phiên giao dịch việc làm lưu động tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Tổ chức 15 đợt tuyên truyền, tư vấn, định hướng nghề nghiệp và việc làm sau khi tốt nghiệp cho hơn 7.500 học sinh THCS, THPT trên địa bàn tỉnh, qua đó định hướng cho học sinh lựa chọn được một nghề học phù hợp với năng lực của bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội đang cần.

Giai đoạn 2019 – 2020, tăng trưởng kinh tế cùng với các cơ chế chính sách, giải pháp hỗ trợ đã góp phần tạo việc làm mới cho 52.552 người (Năm 2019 là 30.552 lao động, đạt 101,84% kế hoạch; năm 2020 là 22.000 người, đạt 73,33% kế hoạch), trong đó, sinh viên mới ra trường là 3.860 người. Cụ thể: giải quyết việc làm trong nước là 51.382 người; đưa 1.170 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Hiện nay, số lao động của tỉnh đang làm việc ở nước ngoài có khoảng 1.500 – 1.700 người, bình quân hàng năm, người lao động gửi tiền về cho gia đình 480 tỷ đồng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xuất khẩu lao động và giải quyết việc làm cho lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Việc làm của người lao động chưa thật sự bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời vụ. Tỷ lệ thất nghiệp đối với sinh viên mới tốt nghiệp ra trường còn cao. Cơ cấu lao động của tỉnh chuyển dịch chậm, lực lượng lao động thuộc khu vực nông thôn còn chiếm tỷ trọng lớn, chưa đáp ứng với yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Khả năng cạnh tranh về chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh so với trong nước và các nước khu vực còn thấp. Mặc dù chính sách của Nhà nước, của tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia xuất khẩu lao động, số lượng lao động đi xuất khẩu lao động mặc dù vượt so với kế hoạch, tuy nhiên, chưa thật sự tương xứng với tiềm năng của tỉnh; số lao động thuộc các

huyện nghèo, người dân tộc thiểu số tham gia còn rất ít; tỷ lệ lao động có việc làm thông qua các phiên giao dịch việc làm còn thấp.

10.2 Nhiệm vụ giải pháp trọng tâm thời gian đến.

Để tăng cường xuất khẩu lao động và giải quyết việc , đặc biệt là tạo việc làm cho sinh viên mới ra trường trong thời gian đến, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tập trung triển khai thực hiện một số giải pháp trọng tâm như sau:

- Tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương nhằm tập trung chỉ đạo sâu sát, quyết liệt công tác giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

- Tập trung công tác tuyên truyền, tư vấn, định hướng nghề nghiệp và việc làm cho học sinh THCS, THPT trên địa bàn tỉnh, qua đó định hướng cho học sinh lựa chọn được một nghề học phù hợp với năng lực của bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội đang cần. Bên cạnh đó, tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân trong việc định hướng nghề nghiệp cho con em mình, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, giảm sức ép về việc làm như hiện nay.

- Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài giai đoạn 2021 – 2025. Thường xuyên tổ chức và nâng cao hiệu quả các phiên giao dịch việc làm tại sàn và phiên giao dịch việc làm lưu động, tạo cầu nối giữa người sử dụng lao động và người lao động; tăng cường đôn đốc các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt việc điều tra, thu thập, cập nhật thông tin cung - cầu lao động.

- Thực hiện có hiệu quả công tác cho vay giải quyết việc làm từ nguồn vốn Quỹ Quốc gia việc làm và nguồn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để hỗ trợ tạo việc làm và ổn định việc làm cho người lao động, ưu tiên cho vay các dự án phát triển tiểu thủ công nghiệp, chuyển đổi nghề, tạo việc làm ở những khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất hoặc bị thu hồi đất để xây dựng các cụm tiểu thủ công nghiệp, các công trình công cộng, hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; cho vay khởi nghiệp đối với thanh niên.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn, vận động người lao động chưa có việc làm hoặc việc làm không ổn định, nhất là sinh viên mới ra trường tích cực tham gia xuất khẩu lao động tại các thị trường có thu nhập cao, việc làm ổn định, điều kiện làm việc, ăn ở tương đối tốt như Nhật Bản, Hàn Quốc...

- Tiếp tục rà soát lại quy mô, ngành nghề đào tạo của các cơ sở đào tạo, chú trọng đào tạo theo nhu cầu thị trường, không đào tạo theo phong trào; nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp, gắn đào tạo nghề nghiệp với giải quyết việc làm, trong đó chú trọng quan tâm đến nhu cầu của người sử dụng lao động tại tỉnh.

11. Về thông tin và truyền thông

Báo cáo tình hình quản lý phát triển các Trạm thu phát sóng di động (BTS) và hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh; đảm bảo khoảng cách an toàn các trạm BTS theo quy định trong thời gian qua. Giải pháp trọng tâm thực hiện thời gian tới.

Kết quả triển khai thực hiện:

11.1 Tình hình quản lý, phát triển trạm BTS và hạ tầng kỹ thuật viễn thông.

Trong những năm qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ngành, địa phương tăng cường công tác quản lý, tạo điều kiện, hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng rộng khắp trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của các cấp, công tác phòng chống bão lụt và tìm kiếm cứu nạn, tổ chức các kỳ thi tốt nghiệp, tuyển sinh và các hoạt động văn hóa, xã hội, các hội nghị, hội thao luôn được thông suốt và an toàn.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 1.576 trạm BTS (trong đó, nhiều nhất là thành phố Quy Nhơn với 357 trạm, thị xã Hoài Nhơn 216 trạm, huyện Phù Cát 196 trạm, huyện Phù Mỹ 180 trạm...), đảm bảo phủ sóng di động 95% địa bàn nơi có dân cư sinh sống, tỷ lệ dân số được phủ sóng 4G là 90%, số lượng thuê bao di động là: 1.366.561 thuê bao (trong đó, nhiều nhất là thuê bao mạng Mobifone).

Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai thực hiện tốt chức năng quản lý về phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động nói chung và trạm, trụ BTS nói riêng; phối hợp tốt với các đơn vị có liên quan trong công tác xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng. Theo đó, đã thường xuyên theo dõi, nhắc nhở, đôn đốc các doanh nghiệp Viễn thông sắp xếp, chỉnh trang cơ sở hạ tầng, kiểm định trạm BTS, kiểm định chất lượng và duy tu, bảo dưỡng trạm BTS trên địa bàn tỉnh. Đến nay, đã triển khai thực hiện chỉnh trang trên địa bàn tỉnh được 126,1 km

dây cáp viễn thông các loại, trong đó, khu vực TP. Quy Nhơn đã thực hiện 98,3 km và khu vực các huyện, thị xã là 27,8 km. Đã phối hợp, tạo điều kiện triển khai lắp đặt tuyến cáp biển quốc tế SJC2 tại Quy Nhơn; đến nay, Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT Net) đã hoàn thành việc lắp đặt phân đoạn cáp biển SJC2 cập bờ vào TP. Quy Nhơn, với khoảng 14 Km cáp chôn, thả vào bờ biển Quy Nhơn.

11.2 Về khoảng cách giữa các trạm BTS.

Về vấn đề khoảng cách các trạm BTS, ngày 24/2/2009, UBND tỉnh đã có công văn số 481/UBND-KTTH gửi Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông xin ý kiến về việc quy định khoảng cách xây dựng trạm BTS loại 2 trên địa bàn tỉnh. Qua đó, Bộ Xây dựng và Bộ Thông tin và Truyền thông đã có văn bản trả lời, cụ thể như sau: *Việc xây dựng phát triển và hoạt động các trạm BTS ngoài việc đáp ứng các yêu cầu về xây dựng còn căn cứ vào nhu cầu sử dụng thực tế, các tiêu chuẩn về viễn thông và địa hình lắp đặt. Do đó, chưa có cơ sở để quy định khoảng cách giữa các trạm BTS, chỉ có các nhà nghiên cứu, thiết kế hệ thống có thể sử dụng các phương pháp tính toán khoảng cách giữa các trạm nhằm đảm bảo mục đích tối ưu vùng phủ sóng hoặc hạn chế nhiễu giữa các trạm. Vì vậy, việc quy định khoảng cách cứng giữa các trạm BTS là không phù hợp...*

Cho đến nay, trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực Viễn thông và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn ngành về Viễn thông cũng chưa có các quy định về khoảng cách hoạt động của các trạm BTS. Ngoài ra, về nguyên tắc hoạt động của sóng thông tin di động và trạm thu, phát sóng thông tin di động chủ yếu dựa vào lưu lượng qua hệ thống, người sử dụng điện thoại càng nhiều thì trạm BTS cần phát triển thêm để đảm bảo sóng di động của người sử dụng không bị nghẽn mạng, rớt mạng, giúp thông tin liên tục, xuyên suốt trong quá trình đàm thoại.

Tuy nhiên, để đảm bảo mỹ quan đô thị, đảm bảo về tâm lý của người dân sống xung quanh các trạm BTS, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 về quản lý, cấp phép xây dựng công trình cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 17/01/2018 về xây dựng và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, Sở Thông tin và Truyền thông đã tiến hành rà soát sắp xếp và chỉnh trang lại cột ăng ten thu phát sóng di động trên địa bàn tỉnh, yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung hạ tầng nhằm đảm bảo mỹ quan và yên tâm cho người dân sống xung quanh khu vực có trạm BTS.

11.3 Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian đến.

Với những kết quả tích cực mang lại cho thấy, công tác quản lý phát triển hạ tầng BTS nói riêng cũng như công tác quản lý nhà nước về viễn thông ở tỉnh ta nói chung đang đi đúng hướng và từng bước nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu sử dụng của các đối tượng. Trong thời gian tới, để tiếp tục phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiện đại, đồng bộ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực viễn thông, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan và các doanh nghiệp viễn thông tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ giải pháp trọng tâm như sau:

- Tiếp tục triển khai Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh, trong đó chú trọng phát triển hạ tầng viễn thông tại các khu vực miền núi, xã đảo. Kịp thời tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định về cấp giấy phép xây dựng, quản lý công tác xây dựng có liên quan hạ tầng kỹ thuật viễn thông và trạm, trụ BTS trên địa bàn tỉnh.

- Hoạt động xây dựng, lắp đặt các trạm BTS phải đảm bảo an toàn, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, không gây ảnh hưởng tới môi trường, sức khỏe cho cộng đồng; đảm bảo tuân thủ quy hoạch xây dựng, kiến trúc, cảnh quan đô thị và các quy định khác liên quan.

- Tăng cường sử dụng chung nhà trạm, cột ăng ten phát sóng, tích cực ngầm hóa, quang hóa hệ thống truyền dẫn, giảm bớt việc sử dụng truyền dẫn vi ba, vừa nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác mạng, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, tránh lãng phí đầu tư, vừa góp phần giữ gìn, tôn tạo kiến trúc, cảnh quan chung và đảm bảo an toàn công trình xây dựng.

- Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến mọi người dân những kiến thức, quy định liên quan về an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ của hệ thống trạm BTS, tạo tâm lý yên tâm và nâng cao ý thức xây dựng, bảo vệ công trình trạm BTS trong toàn cộng đồng xã hội.

12. Về nội chính

12.1 Tình hình, kết quả nổi bật trong công tác phòng, chống tham nhũng trong năm 2019. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Đánh giá tình hình, kết quả nổi bật trong công tác phòng, chống tham

những năm 2019.

Trong năm 2019, công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) tiếp tục được Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, đồng bộ, đem lại hiệu quả tích cực. UBND tỉnh và các ngành, địa phương đã ban hành 111 văn bản, chương trình, kế hoạch để chỉ đạo thực hiện các chính sách, pháp luật về PCTN; 95 văn bản quy phạm pháp luật có quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn nhằm phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc thực thi các chính sách và góp phần phòng ngừa tham nhũng, vi phạm pháp luật; tổ chức 17 hội nghị để phổ biến quán triệt, triển khai thi hành Luật PCTN, Luật Tố cáo năm 2018 cho 2.036 lượt cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân; phát hành 202 bản tài liệu tuyên truyền pháp luật về PCTN. Các cơ quan, đơn vị toàn tỉnh đã thực hiện việc minh bạch tài sản, thu nhập đối với 8.970 cán bộ, công chức, viên chức, đạt tỷ lệ 100% đối tượng phải kê khai theo quy định; thực hiện kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với 135 cán bộ, công chức, viên chức.

Qua thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc, nhiều ngành, địa phương đã thiết lập và công khai số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ hộp thư điện tử để tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp; tiến hành rà soát, nhận diện những vị trí việc làm có nguy cơ tham nhũng cao để tăng cường các biện pháp giám sát, kiểm tra, phòng ngừa; triển khai thực hiện việc giám sát hoạt động của những bộ phận thường xuyên tiếp xúc, giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp bằng thiết bị ghi âm, ghi hình...

Công tác thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện các quy định của pháp luật PCTN tiếp tục được tăng cường. Trong kỳ, các ngành, địa phương đã chỉ đạo tiến hành 46 cuộc thanh tra tại 58 cơ quan, tổ chức, đơn vị, qua đó chỉ đạo chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế, kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 08 tập thể và 04 cá nhân. Ngoài ra, nhiều trường hợp cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ cương, kỷ luật hành chính; chậm trễ, thiếu trách nhiệm; ứng xử không đúng chuẩn mực trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp đã bị xem xét, xử lý nghiêm khắc.

Công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua tiếp tục được tăng cường theo Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Trong năm 2019, UBND tỉnh và các ngành, địa phương đã chỉ đạo tiến hành thanh tra, giải quyết tố cáo phát hiện 03 vụ việc có dấu hiệu tội phạm, liên quan đến hành vi tham nhũng và đã chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, để xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra Công an 02 cấp tiến hành điều tra 08 vụ/10 bị can phạm tội tham nhũng; kết thúc điều tra đề nghị truy tố 05 vụ/06 bị can. Viện KSND 2 cấp đã truy tố 03 vụ/07 bị can. TAND 2 cấp đã xét xử 03 vụ/07 bị cáo phạm tội tham nhũng.

b) Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCTN trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác PCTN trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị; đi đôi với huy động sự tham gia chủ động, tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các hội đoàn thể quần chúng, cơ quan báo chí và cả cộng đồng xã hội trong công tác PCTN. Tiếp tục đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục các chính sách, pháp luật về PCTN bằng nhiều hình thức phù hợp, bảo đảm có hiệu quả thiết thực nhằm tạo sự chuyên biến rõ rệt về nhận thức, ý thức trách nhiệm và hành động thực tiễn của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trong PCTN.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện thường xuyên, kiên quyết, đồng bộ, bảo đảm có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Hàng năm các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở phải ban hành kế hoạch, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tiễn; phân công rõ trách nhiệm để tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác PCTN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra, giải quyết tố cáo của công dân nhằm phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật những vụ việc, người có hành vi tham nhũng; thực hiện tốt công tác bảo vệ người phát hiện, người tố giác, người đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng theo tinh thần Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị và quy định của pháp luật về tố cáo. Thực hiện kiên quyết các biện pháp nhằm thu hồi triệt để tiền và tài sản tham nhũng. Công khai kết quả xử lý các vụ việc, người các hành vi tham nhũng nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, răn đe, phòng ngừa.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về PCTN; tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp dưới trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN nhằm phát hiện, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm. Chỉ đạo tăng cường quan hệ phối hợp, trao đổi thông tin về PCTN giữa các cơ quan chức năng có liên quan; phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận Tổ quốc, các hội đoàn thể quần chúng, cơ quan báo chí và nhân dân giám sát, tích cực tham gia vào công tác PCTN.

12.2 Báo cáo kết quả công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động cho vay nặng lãi, tín dụng đen trên địa bàn tỉnh từ năm 2019 đến nay. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân; đồng thời, đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tình trạng nêu trên trong thời gian đến.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Về một số kết quả đạt được:

Thời gian qua, hoạt động của tội phạm liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng, “tín dụng đen” diễn biến khá phức tạp với những thủ đoạn tinh vi, manh động và liều

lĩnh. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 10 Công ty tài chính, 08 cơ sở kinh doanh, 08 nhóm và 163 cá nhân hoạt động cho vay lãi nặng riêng lẻ. Trong năm 2019, cơ quan chức năng đã khởi tố 12 vụ/31 bị can, xử lý hành chính 05 trường hợp/10 đối tượng và xử lý khác 125 trường hợp (Yêu cầu nhiều cơ sở, băng nhóm tự tháo dỡ băng hiệu, ngừng hoạt động kinh doanh liên quan tài chính, rời khỏi địa phương; gọi hỏi răn đe, cho viết cam kết không vi phạm pháp luật, không hoạt động tín dụng đen...). Trong năm 2020, toàn tỉnh đã khởi tố 12 vụ/33 bị can, xử lý hành chính 02 trường hợp/02 đối tượng và xử lý khác 122 trường hợp.

- *Những thuận lợi, khó khăn:*

+ *Thuận lợi:* Các cấp ủy Đảng, chính quyền đã quan tâm chỉ đạo tổ chức triển khai nghị quyết, kế hoạch, đề án phòng chống tội phạm sâu rộng từ các cơ quan, xí nghiệp, tổ chức xã hội, các cơ sở quần chúng nhân dân đã nâng cao ý thức phòng ngừa, tố giác tội phạm, đẩy mạnh hiệu quả trấn áp các loại tội phạm. Lực lượng Công an đóng vai trò nòng cốt, vừa chủ động phòng ngừa, vừa tấn công trấn áp tội phạm và thông qua các chương trình phòng, chống tội phạm, kết hợp lồng ghép các phong trào xây dựng khu phố văn hóa, xây dựng khu dân cư không tội phạm, để quần chúng tham gia phòng, chống tội phạm, nhất là chỉ đạo các lực lượng tập trung triệt xóa các tụ điểm, băng nhóm hoạt động tệ nạn, xã hội, băng nhóm có biểu hiện liên quan đến đòi nợ thuê, phòng ngừa ngăn chặn hình thành các băng nhóm tội phạm có tổ chức. Công tác điều tra, xử lý tin báo tội phạm, khởi tố điều tra làm rõ các vụ án nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, đề nghị truy tố, xét xử nghiêm minh góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm.

+ *Khó khăn:* Tình hình cho vay theo kiểu “tín dụng đen” và đòi nợ thuê ngày càng diễn biến phức tạp hơn, các đối tượng nắm bắt kẽ hở của pháp luật để luôn lách hoạt động. Đối tượng cho vay hoạt động có phần công khai như: rải tờ rơi, mở văn phòng... nhưng kín đáo về mức lãi suất hoặc có thỏa thuận riêng với người vay, con nợ luôn bị ép buộc viết giấy nhận nợ. Chính vì vậy, đã gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý hành vi cho vay nặng lãi. Một số đối tượng ở địa phương khác đến địa bàn hoạt động cho vay hoặc cấu kết với các đối tượng tại địa phương cho vay với nhiều hình thức trá hình, thủ đoạn rất tinh vi, xảo quyệt như: Mở công ty bán vé máy bay, mua bán, cho thuê xe máy, hỗ trợ tài chính... gây khó khăn trong công tác phát hiện, thu thập chứng cứ. Hệ thống văn bản pháp luật để xử lý các đối tượng cho vay nặng lãi theo kiểu “tín dụng đen” chưa được chặt chẽ, khó thu thập chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội của đối tượng. Những người vay tiền phần lớn là các đối tượng tham gia tệ nạn xã hội như: Cờ bạc, ma túy... nên không có điều kiện để trả lãi và do đó không dám đứng ra tố giác. Sự phối hợp giữa lực lượng chức năng với các ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội chưa nhịp nhàng; đại diện các ban ngành trong thành viên Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm chưa thật sự quan tâm phối hợp với lực lượng Công an trong phòng ngừa, tấn công trấn áp tội phạm, vẫn còn biểu hiện giao phó cho lực lượng Công an.

+ *Nguyên nhân:* Một bộ phận người dân có nhu cầu vay tín dụng để đáp ứng cuộc sống lành mạnh nhưng khó tiếp cận nguồn vốn vay từ ngân hàng. Đây cũng là nguyên nhân tồn tại các cá nhân, tổ chức cho vay không hợp pháp, trong đó nhiều đối tượng liên kết hình thành băng, nhóm cho vay lãi nặng trục lợi, hệ lụy nảy sinh nhiều loại tội phạm. Nhiều người dân không thấy được hậu quả từ việc vay tín dụng đen hoặc vì nhu cầu trước mắt.

Một số cá nhân có tiền nhưng không đầu tư kinh doanh hợp pháp và có sự hiểu biết về pháp luật đã đứng ra tổ chức cho vay theo kiểu tín dụng đen, núp bóng với danh nghĩa công ty hỗ trợ tài chính, hộ kinh doanh để né tránh cơ quan pháp luật.

b) Giải pháp trọng tâm thời gian đến:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 25/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”; thường xuyên kiểm tra hành chính các cơ sở cầm đồ, cho vay, kinh doanh tài chính, dịch vụ đòi nợ và các cơ sở kinh doanh khác có biểu hiện hoạt động cho vay lãi nặng, đòi nợ thuê nhằm phát hiện tội phạm và vi phạm pháp luật để xử lý nghiêm.

- Siết chặt việc cấp Giấy chứng nhận và tăng cường quản lý, kiểm tra các cơ sở kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; nhất là cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ, đòi nợ, kiên quyết xử lý, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với các cơ sở vi phạm.

- Mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm để đấu tranh quyết liệt các loại tội phạm, vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”, gắn với đấu tranh, triệt xóa các đường dây đánh bạc, tổ chức đánh bạc, lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua các hình thức huy động vốn, tham gia hội, tội phạm có tổ chức, tội phạm sử dụng công nghệ cao, núp bóng doanh nghiệp... để hoạt động.

- Tiếp tục chỉ đạo công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTO, thực hiện các đề án chuyên hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về trật tự, an toàn xã hội; xây dựng xã, phường, thị trấn không có tệ nạn xã hội; xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu dân cư, trường học an ninh, an toàn...; tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức người dân trong chủ động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm liên quan đến “tín dụng đen”, không tạo điều kiện tội phạm này có cơ hội hoạt động.

Trên đây là kết quả thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong năm 2019, UBND tỉnh kính báo cáo Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban thuộc tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3 (100b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Phi Long